

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề lớn nhất mà doanh nghiệp quan tâm là làm thế nào để đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất tức là tối đa hóa được lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí. Lợi nhuận là thước đo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, và các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc tính toán lợi nhuận của doanh nghiệp chính là các khoản doanh thu và các khoản chi phí.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, chi phí của doanh nghiệp đầy đủ và kịp thời góp phần tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất. Việc ghi chép chính xác nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình thực hiện tài chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng đó cùng với sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh em đã nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC”** làm đề tài tốt nghiệp. Luận văn của em gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương 2: Thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

Chương 3: Một số nhận xét, kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

Với mong muốn được củng cố, hoàn thiện và ngày càng nâng cao trình độ nghiệp vụ về kế toán, em rất mong được sự xem xét, chỉ bảo, tham gia góp ý kiến của các quý thầy cô nhằm giúp cho luận văn này đạt kết quả tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

## **CHƯƠNG 1**

# **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

**1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Doanh thu là nguồn tài chính để đảm bảo trang trải các khoản chi phí trong hoạt động kinh doanh, để đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu cũng là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn để tham gia góp vốn cổ phần... ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp sao một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

## **1.1.2. Các khái niệm cơ bản:**

### **1.1.2.1. Doanh thu:**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu :

#### **+ *Doanh thu bán hàng:***

Doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá do doanh nghiệp sản xuất ra hoặc do doanh nghiệp mua về.

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **+ *Doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Theo chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

**Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:**

✓ *Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:*

Trường hợp giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức gọi là tiêu thụ.

Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm đã quy định trước trong trường hợp: sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

✓ *Phương thức gửi hàng cho khách hàng:*

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

✓ *Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng:*

Đối với đơn vị ký gửi hàng hóa ( chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng theo tỷ lệ phần trăm trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: Số sản phẩm, hàng hóa nhận bán, ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.

✓ *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.*

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

✓ *Phương thức hàng đổi hàng:*

Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy vật tư, hàng hoá khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá tương ứng trên thị trường.

#### **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

✓ *Chiết khấu thương mại:* Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

✓ *Giảm giá hàng bán:* Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

✓ *Hàng bán bị trả lại:* Là trị giá của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

✓ *Thuế giá trị gia tăng( GTGT) theo phương pháp trực tiếp:* Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên khoản giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Trong đó, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp là khoản thuế tính trên một phần giá trị tăng thêm của hàng hóa theo phương pháp trực tiếp.

✓ *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* Là thuế tiêu dùng đánh vào một số loại hàng hóa, dịch vụ đặc biệt nằm trong danh mục quy định chịu thuế của Nhà nước.

✓ *Thuế xuất khẩu:* Là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu sang quốc gia khác.

### **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ(TK511), doanh thu nội bộ(TK512), sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

✓ *Doanh thu tiêu thụ nội bộ:* Là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

✓ *Doanh thu hoạt động tài chính:* Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính. Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực hiện đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền

✓ *Thu nhập khác:* Phản ánh các thu nhập ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Bao gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính vào doanh thu( nếu có); Thu nhập từ quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

#### **1.1.2.2. Chi phí:**

Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định.

#### **Các loại chi phí:**

*Giá vốn hàng bán:* Là giá vốn thực tế xuất kho của một số hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

*Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán:*

Phương pháp Bình quân gia quyền:

Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất x Đơn giá thực tế bình quân

Đơn giá BQ cả kỳ = 
$$\frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Đơn giá BQ liên hoàn = 
$$\frac{\text{Giá trị hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế sau lần nhập } i}$$

Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy, đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).

Theo phương pháp này kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho, kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của các lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá của các lần nhập đầu tiên.

Phương pháp thực tế đích danh.

Doanh nghiệp quản lý phải theo dõi vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá nhập theo từng lô hàng, từng mặt hàng một cách chi tiết. Khi xuất kho thì kế toán căn cứ vào đơn giá thực tế nhập và số lượng nhập của hàng hoá đó để tính giá thực tế xuất kho.

✓ *Chi phí bán hàng:*

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm,...

✓ *Chi phí quản lý doanh nghiệp:*

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

✓ *Chi phí hoạt động tài chính:*

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

✓ *Chi phí khác:* Là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của DN, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác.

✓ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.



### **1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.**

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động SXKD trong doanh nghiệp.

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

$$\begin{aligned} & \text{Tổng lợi nhuận trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác} \\ & \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} \\ & \text{Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán} \end{aligned}$$

### **1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.**

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hóa; bán hàng và xác định kết quả và phân phối kết quả của các hoạt động. Kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

- Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

## **1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ.**

#### *1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:*

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

+ Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

+ Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).

+ Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH).

+ Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).

+ Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

#### *1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:*

##### **➤ TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.”**

Tài khoản này sử dụng để phản ánh Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD.

**TK 511** có 6 TK cấp 2.

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa: được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật tư.

- TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm: được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: công nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.

- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: được sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

- TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá: được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

- TK 5117 – Doanh thu kinh doanh BĐSĐT
- TK 5118 – Doanh thu khác.

*Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511:*

**Bên Nợ:**

Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên Doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng( giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại)

Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần, doanh thu BĐSĐT sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Bên Có:**

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, doanh thu BĐSĐT của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

➤ **TK 512- : “ Doanh thu bán hàng nội bộ ”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

- TK 5121 – Doanh thu bán hàng hóa nội bộ
- TK 5122 – Doanh thu bán thành phẩm nội bộ
- TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ.

*Kết cấu và nội dung phản ánh TK 512:*

**Bên Nợ:**

Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên Doanh thu bán hàng nội bộ của doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản ghi giảm doanh thu ( giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại) của hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

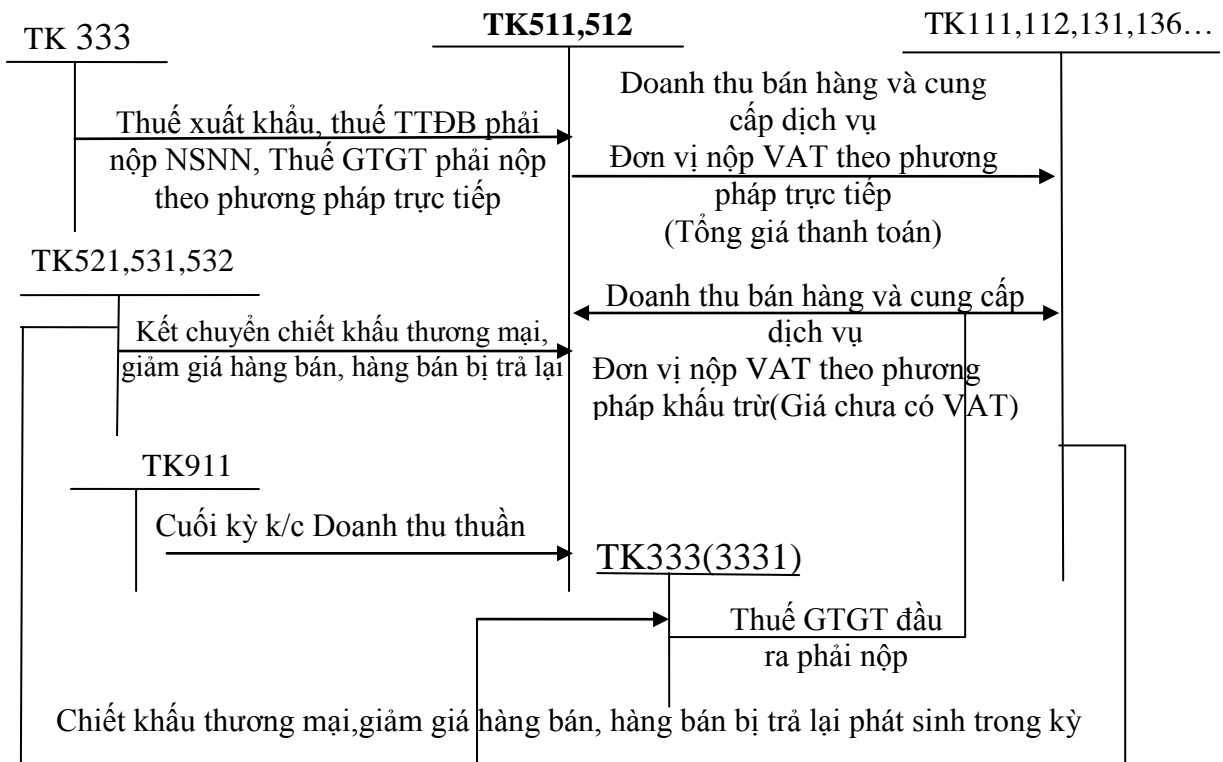
**Bên Có:**

Doanh thu bán hàng nội bộ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán

### 1.2.1.3 Phương pháp hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu nội bộ.

Hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu nội bộ được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

**Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ.**



### 1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

#### 1.2.2.1 Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn Giá trị gia tăng.
- Hóa đơn bán hàng thông thường.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa.
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

#### 1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.

➤ **TK 521 “Chiết khấu thương mại.”**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 521:

**Bên Nợ:** Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

**Bên Có:** Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

**Tài khoản 521 không có số dư.**

TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:

TK 5211: Chiết khấu hàng hoá.

TK 5212: Chiết khấu thành phẩm.

TK 5213: Chiết khấu dịch vụ.

➤ **TK 531 “Hàng bán bị trả lại”**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 531:

**Bên Nợ:** Trị giá hàng bán bị trả lại.

**Bên Có:** Kết chuyển toàn bộ doanh thu của số hàng bán bị trả sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

**Tài khoản 531 không có số dư.**

➤ **TK 532 “Giảm giá hàng bán”.**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 532

**Bên Nợ:** Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng.

**Bên có:** Kết chuyển toàn bộ doanh thu của số giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

**Tài khoản 532 không có số dư.**

➤ **Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt và xuất khẩu**

Sử dụng các tài khoản sau:

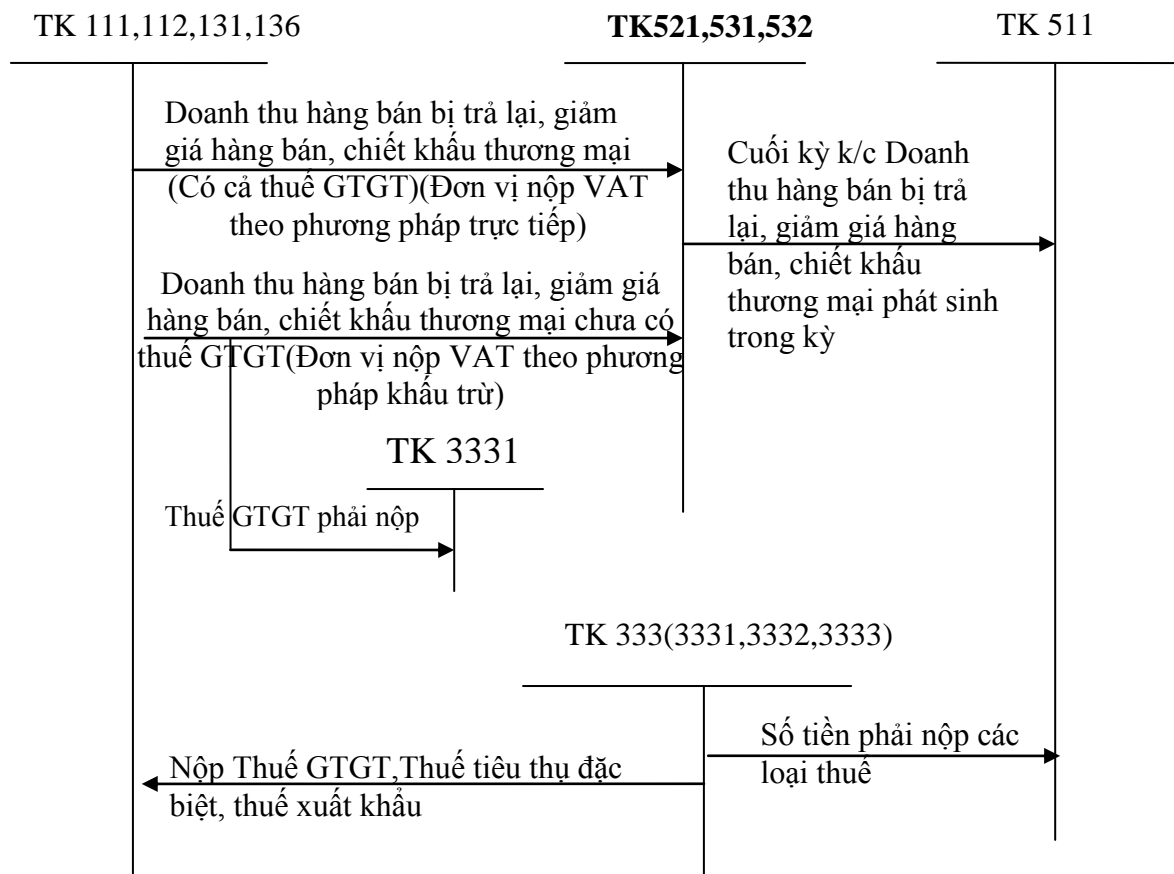
TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt.

TK 3333: Thuế xuất, nhập khẩu.

*1.2.2.3. Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.*

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:

**Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**



### **1.2.3. Kế toán Giá vốn hàng bán:**

#### *1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:*

Phiếu xuất kho ( Mẫu 02 – VT )

Hóa đơn bán hàng thông thường ( Mẫu số 01 – GTGT – 322)

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất kho hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hóa, đồng thời là cơ sở để vào sổ chi tiết hàng hóa. Khi bán hàng, kế toán lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán thông qua tài khoản 632. Cuối tháng tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng bảng tổng hợp hàng hóa để lập báo cáo bán hàng.

#### *1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:*

Theo phương pháp Kê khai thường xuyên sử dụng Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” phản ánh giá trị vốn của hàng hóa xuất bán trong kỳ.

*Kết cấu tài khoản:*

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được tính vào giá vốn.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ( Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính ( Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước )
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

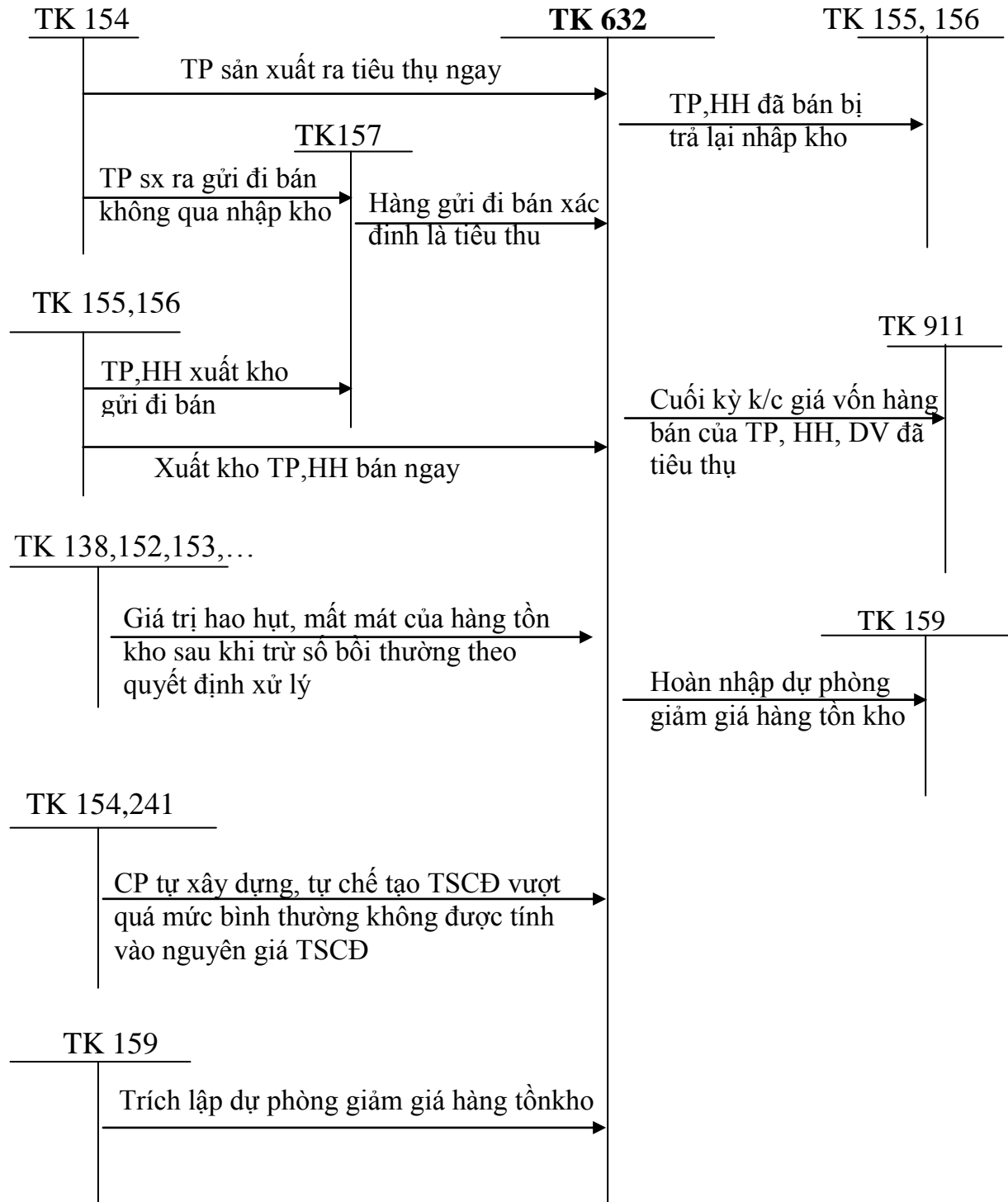
**Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê định kỳ sử dụng **TK 631: “ Giá thành sản xuất”**

**TK 611: “ Mua hàng ”**

Hạch toán giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp KKTX được thể hiện theo sơ đồ 1.3 như sau:

**Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX**





*Kết cấu tài khoản 631: Giá vốn hàng bán theo phương pháp Kiểm kê định kỳ.*

**Bên Nợ:**

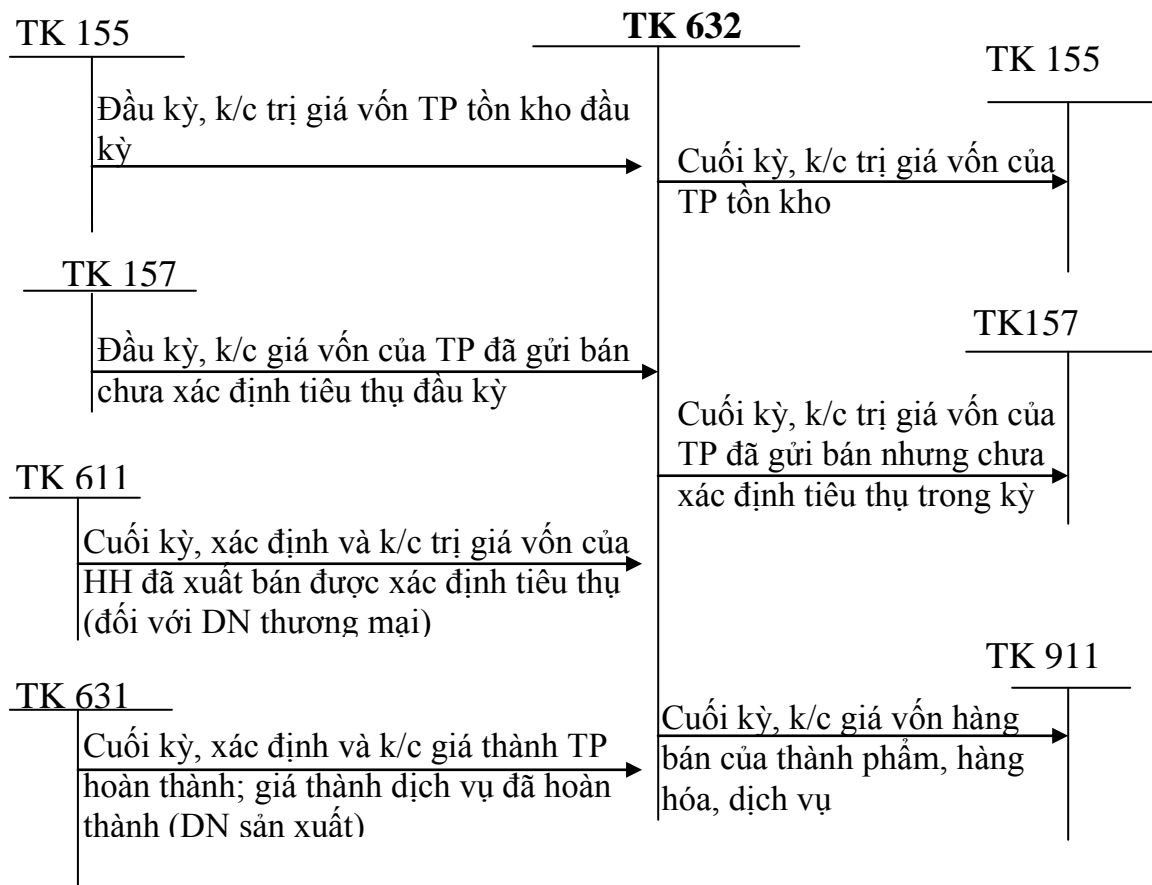
- Trị giá vốn thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ.
- Tổng giá thành thực tế TP, lao vụ, DV đã hoàn thành.

**Bên Có:**

- Kết chuyển trị giá vốn TP tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155
- Kết chuyển trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ vào bên Nợ TK 157.
- Kết chuyển giá vốn HH, TP, DV đã xuất bán sang bên Nợ TK 911 XĐKQKD.

Hạch toán Giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK được thể hiện theo sơ đồ 1.4 như sau:

**Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK.**



## **1.2.4. Kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí Quản lý doanh nghiệp.**

### *1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH ( Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ ( Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – Công cụ, dụng cụ ( Mẫu số 07 – VT )
- Các chứng từ gốc có liên quan.

### *1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:*

TK 641 “ **Chi phí bán hàng**”, 642 “ **Chi phí Quản lý doanh nghiệp**” có các TK cấp 2 sau:

#### ***TK 641 – Chi phí bán hàng có 7 tài khoản cấp 2:***

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí KHTSCĐ.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

#### ***TK 642 – Chi phí Quản lý doanh nghiệp có 8 tài khoản cấp 2:***

- TK 6421: Chi phí nhân viên.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí KHTSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu tài khoản chi phí bán hàng & chi phí QLDN.

#### **Bên Nợ:**

- Tập hợp chi phí bán hàng, chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ.

#### **Bên Có:**

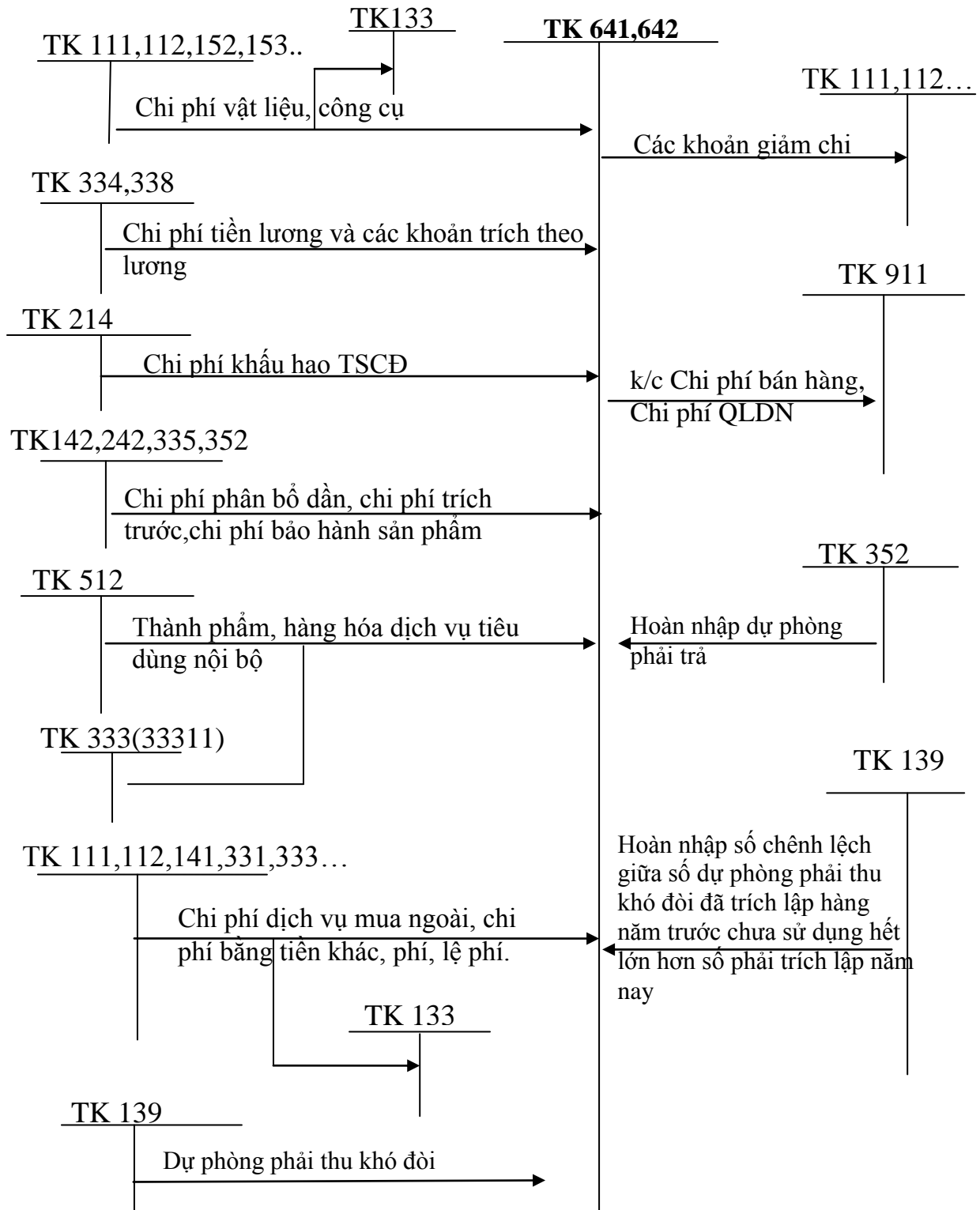
- Các khoản giảm chi phí bán hàng, chi phí QLDN (nếu có).
- K/c chi phí bán hàng, chi phí QLDN trong kỳ vào bên Nợ TK 911.

**Tài khoản 641, 642 không có số dư cuối kỳ.**

**1.2.4.3. Phương pháp hạch toán Chi phí Bán hàng & Chi phí QLDN.**

Phương pháp hạch toán Chi phí Bán hàng & Chi phí QLDN được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

**Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN.**



## **1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính & Chi phí tài chính.**

### *1.2.5.1. Chứng từ sử dụng:*

Giấy báo Có, giấy báo Nợ của ngân hàng.

Phiếu thu, phiếu chi.

Các hợp đồng vay.

Các giấy tờ khác liên quan.

### *1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:*

➤ **TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*Kết cấu của tài khoản này như sau:*

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- K/c doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 xác định KQKD.

Bên Có:

- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

**Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.**

➤ **TK 635 – Chi phí tài chính:** Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, góp vốn liên doanh liên kết,...

*Kết cấu của tài khoản này như sau:*

Bên Nợ:

- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí chuyển nhượng đất, ..., được xác định là tiêu thụ.

Bên Có:

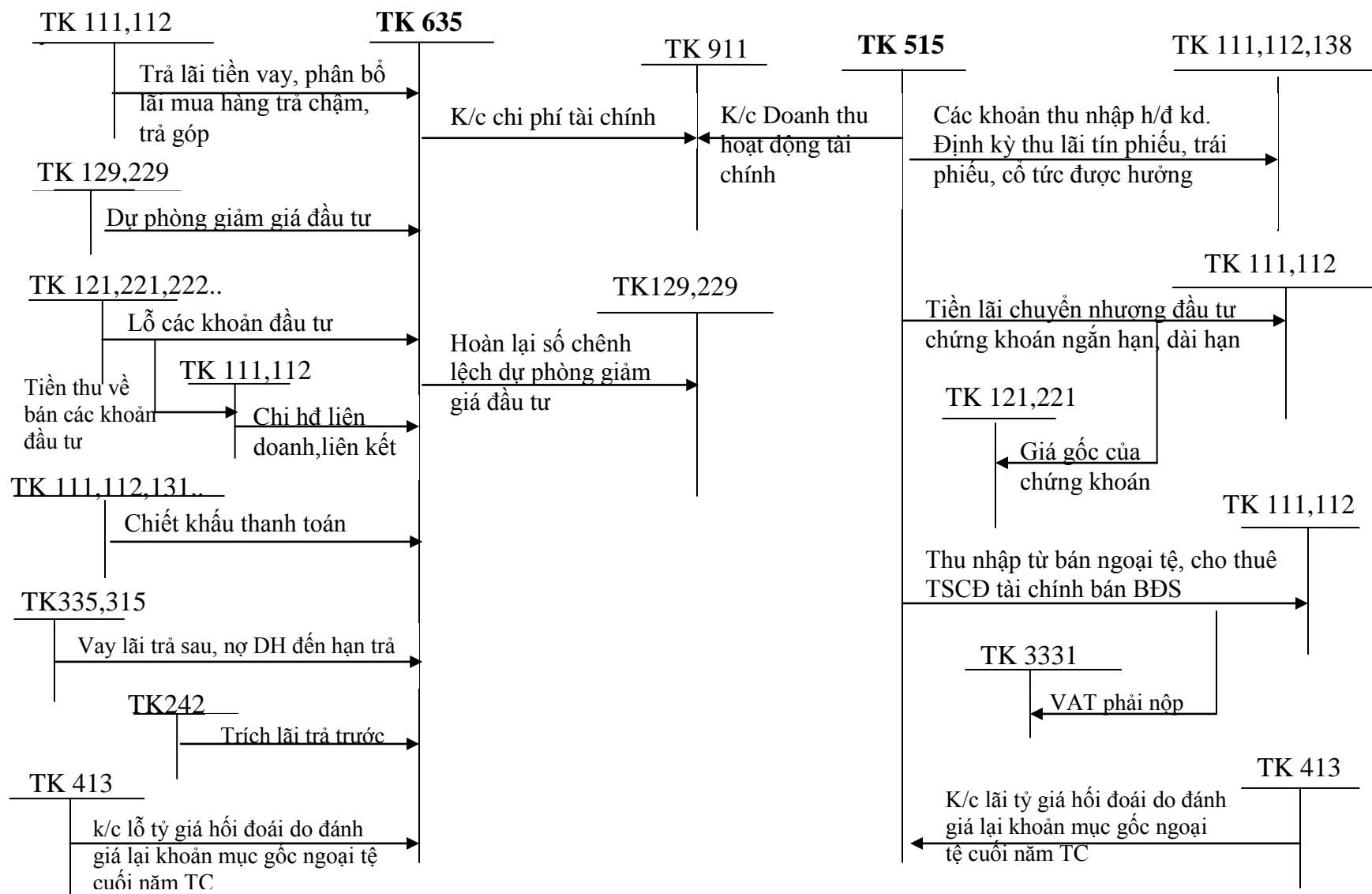
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.  
- Cuối kỳ, k/c toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.**

### *1.2.5.3: Phương pháp hạch toán:*

Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau:

**Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính.**



## **1.2.6. Kế toán thu nhập khác & Chi phí khác.**

### *1.2.6.1. Chứng từ sử dụng:*

Hóa đơn Giá trị gia tăng

Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy ủy nhiệm chi, giấy báo có của Ngân hàng...

Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế...

### *1.2.6.2. Tài khoản sử dụng:*

➤ **TK 711 – “Thu nhập khác”**: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

*Kết cấu tài khoản*

#### **Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) ở DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ k/c các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911

#### **Bên Có:**

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

**Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.**

➤ **TK 811 – “Chi phí khác”**: Tài khoản này phản ánh những chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt đối với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

*Kết cấu tài khoản.*

#### **Bên Nợ:**

Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.

#### **Bên Có:**

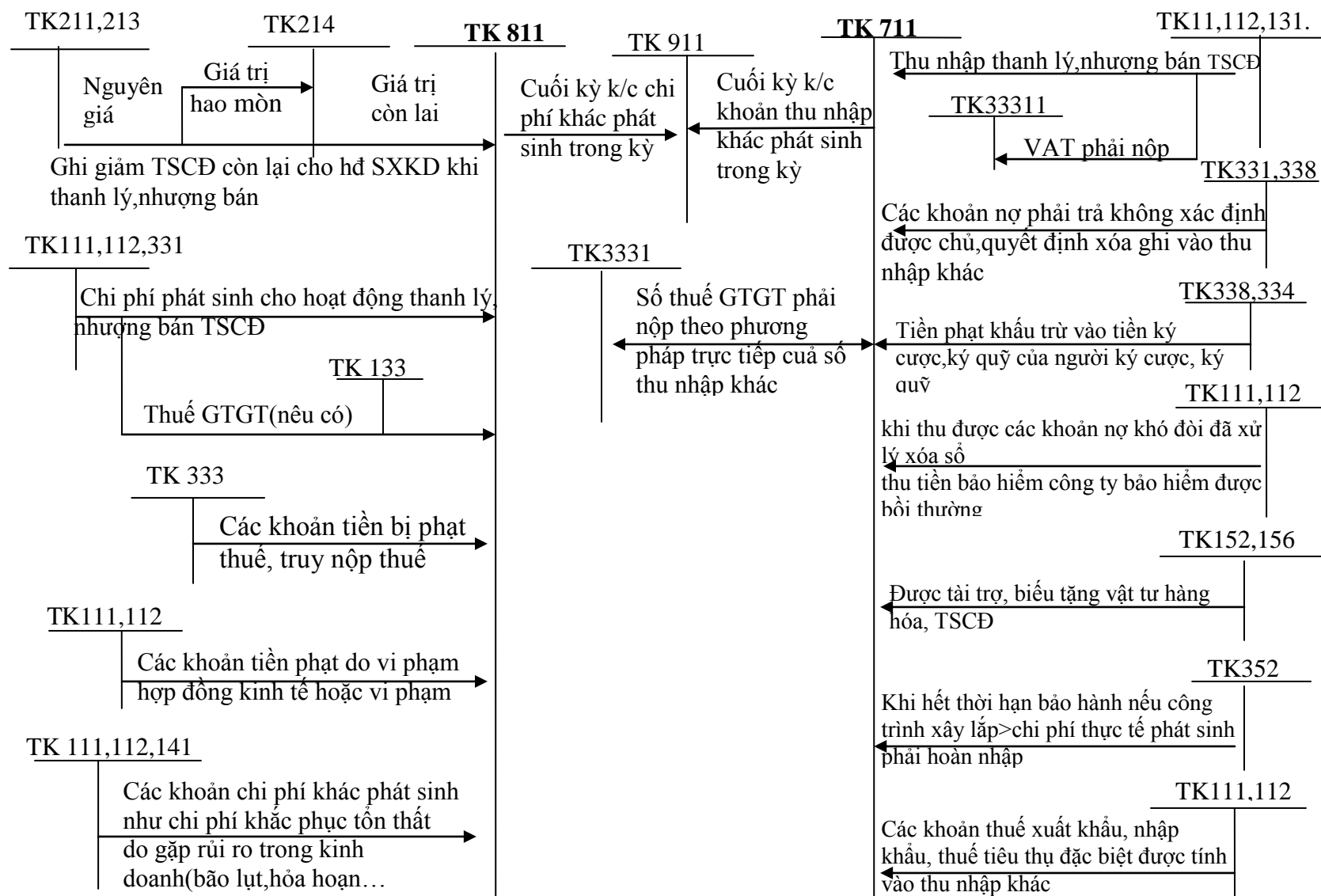
Cuối kỳ K/c toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911.

**Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.**

### *1.2.6.3. Phương pháp hạch toán:*

Phương pháp hạch toán Thu nhập khác và Chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:

**Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.**



### **1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán( Gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư..) chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### *1.2.7.1: Chứng từ sử dụng:*

Phiếu kế toán.

#### *1.2.7.2: Tài khoản sử dụng:*

Kế toán xác định kết quả kinh doanh sử dụng TK 911.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của SP,HH, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.
- Chi phí bán hàng, chi phí QLDN.
- Chi phí tài chính, chi phí Thuế TNDN và chi phí khác.
- K/c lãi sau thuế.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số SP, HH, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính.
- Thu nhập khác, khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- K/c lỗ.

**Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.**

Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản:

TK 821: Chi phí thuế TNDN.

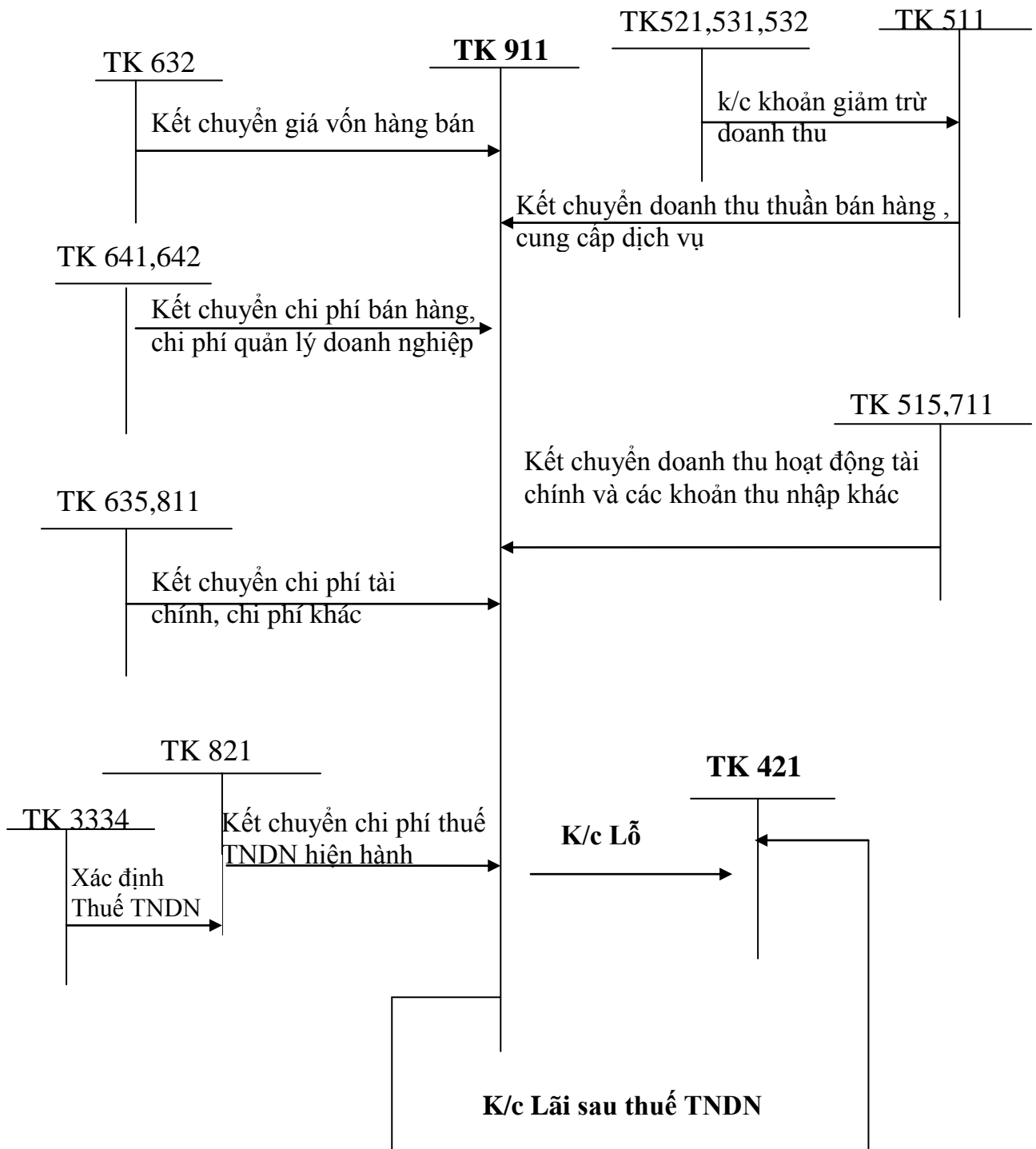
TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

#### *1.2.7.3. Phương pháp hạch toán:*

Phương pháp xác định Kết quả kinh doanh được thể hiện theo sơ đồ 1.10 như sau:



### Sơ đồ 1.10: Kế toán Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh



## **CHƯƠNG 2**

# **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC**

### **2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại VIC.**

#### ***2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.***

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Thương mại VIC
- Đơn vị quản lý: UBND TP Hải Phòng
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Mr. Nguyễn Hữu Lợi
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc
- Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng
- Tel: 031.742976 Fax: 031.742978

Công ty TNHH Thương mại VIC được thành lập với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất thức ăn gia súc mang nhãn hiệu “Con Heo Vàng”. Những ngày đầu thành lập Công ty VIC gặp nhiều khó khăn: nhà xưởng phải đi thuê, nhân công ít và số vốn kinh doanh chỉ vài chục triệu đồng. Trong bối cảnh mà các Công ty nước ngoài chiếm tới 90% thị phần và tập quán người chăn nuôi chỉ quen với những thương hiệu như Con Cò, Hidro.... Song với chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén và đúng đắn, sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên, công ty đã có tốc độ tăng trưởng liên tục ở mức khá cao từ 150 - 200% đã tạo đà cho công ty có bước phát triển đột phá. Đặc biệt năm 2002 – Đánh dấu một sự kiện đặc biệt khi nhà máy Con Heo Vàng tại Hải Phòng và chính thức đi vào hoạt động, cũng kể từ đây thương hiệu Con Heo Vàng bắt đầu ghi dấu ấn vững mạnh trên thị trường thức ăn gia súc.

Tiếp theo nhà máy Hải Phòng, công ty đang tiếp tục xây dựng các nhà máy tại Nghệ An, Quy Nhơn, Đồng Tháp, hai chi nhánh tại Hà Nội, Nam Định và tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng như: Sản phẩm

cho gia súc, gia cầm, đại gia súc. Công ty còn sản xuất các sản phẩm cho cá và tiến tới mở rộng ngành nghề kinh doanh các sản phẩm thịt sạch phục vụ người tiêu dùng. Lúc đầu thành lập, công ty chỉ có một thương hiệu con Heo Vàng thì nay công ty đã có thương hiệu Ông Tiên, Thạch Sanh Thần, Cá Vàng, Heo Vàng, Vàng 10. Thương hiệu Con Heo Vàng đã đăng ký tại Lào, Campuchia, Trung Quốc và đã tiến hành xác lập nhà phân phối sản phẩm tại Lào.

Mạng lưới phân phối của công ty cũng được mở rộng, từ chỗ chỉ có vài chục đại lý bán lẻ thì hiện nay đã có gần 4000 đại lý bán lẻ và 40 nhà phân phối trên toàn quốc. Thương hiệu Con Heo Vàng đã được người chăn nuôi tin dùng và đánh giá cao. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH Thương mại VIC luôn luôn quan tâm đến lợi ích của người chăn nuôi và bằng các phương pháp để giúp người chăn nuôi có lãi.

### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty**

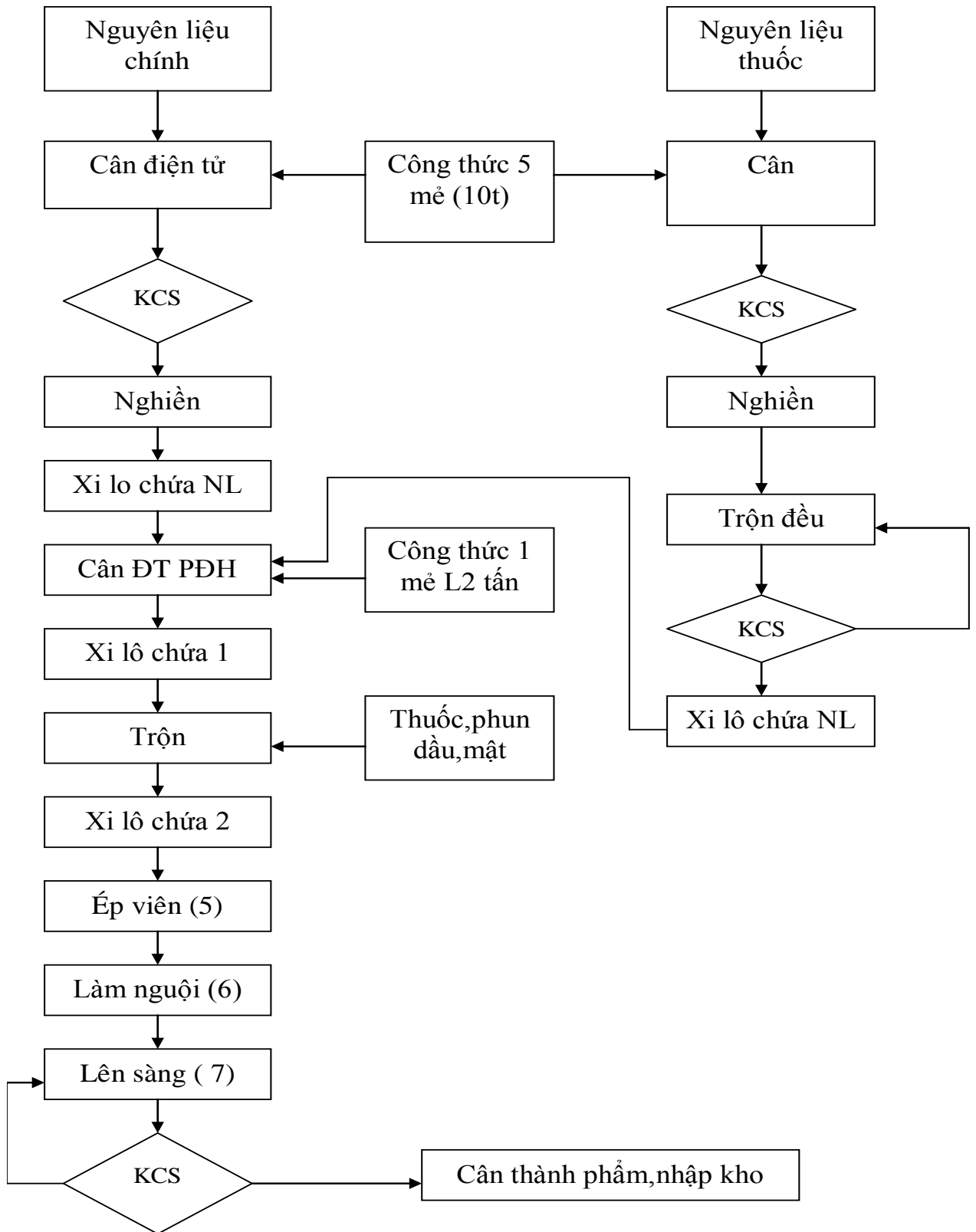
Với sản phẩm thức ăn gia súc là dòng sản phẩm có sự biến đổi lớn khi giá cả nguyên liệu đầu vào thay đổi do phần nguyên liệu đầu vào của công ty đều phải nhập khẩu, bên cạnh đó sản phẩm đầu ra gặp nhiều khó khăn do giá xuất khẩu liên tục biến động, hơn thế nữa là các sản phẩm đầu ra chủ yếu tiêu thụ nội địa nên giá trị thặng dư không cao. Một đặc thù trong vấn đề kinh doanh thức ăn chăn nuôi đó là phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, tình hình dịch bệnh. Minh chứng rõ nhất là tình hình dịch bệnh hoành hành trong những năm qua khiến tình hình tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn.

#### **❖ Quy trình sản xuất**

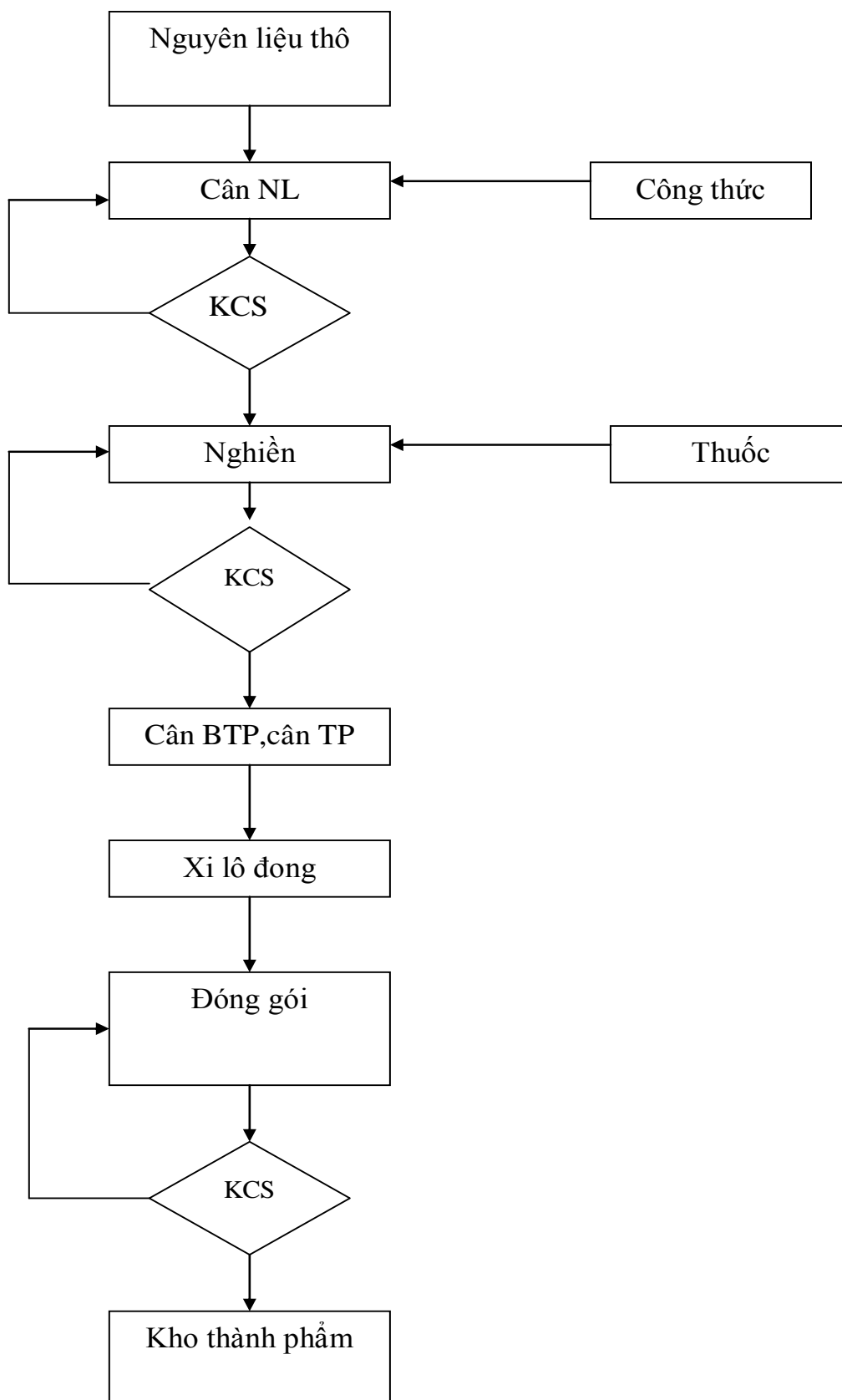
Hiện nay công ty đang sản xuất 2 loại sản phẩm chính là thức ăn gia súc đậm đặc và thức ăn gia súc hỗn hợp dạng viên do vậy quy trình sản xuất của doanh nghiệp có 2 loại.

Quy trình sản xuất thức ăn gia súc hỗn hợp dạng viên( sơ đồ 2.1.1)

Quy trình sản xuất thức ăn gia súc đậm đặc ( sơ đồ 2.1.2)



Sơ đồ 2.1.1: Quy trình sản xuất thức ăn gia súc hỗn hợp dạng viên.



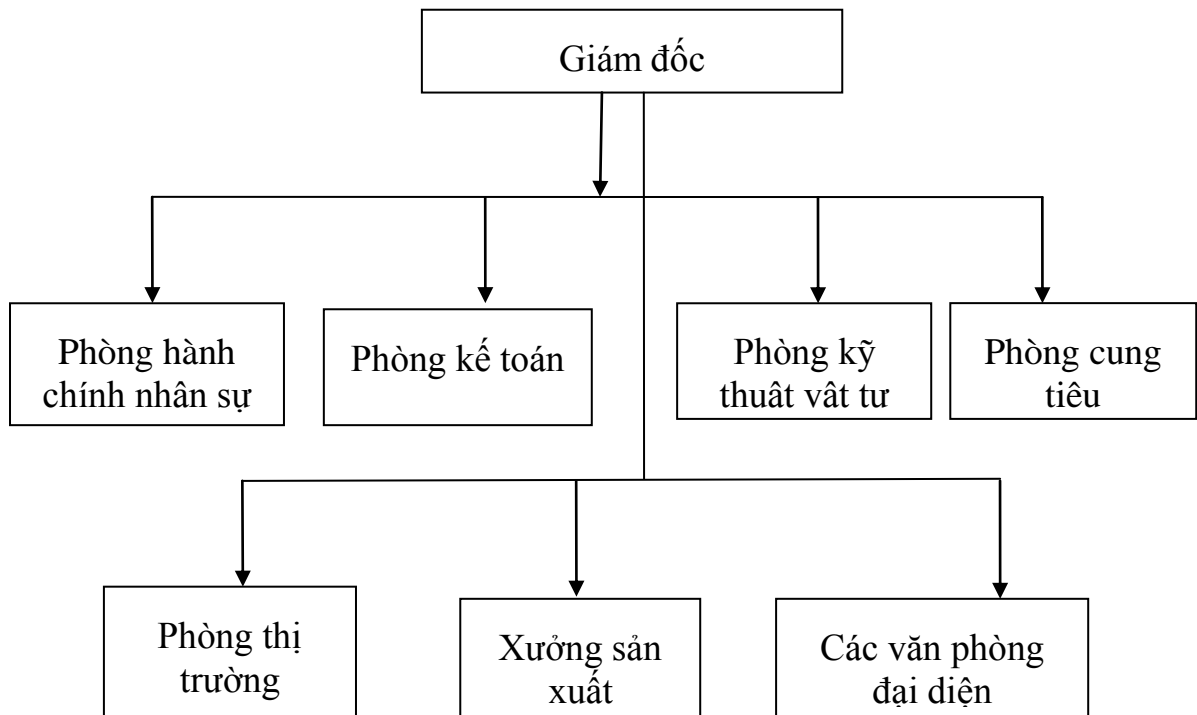
**Sơ đồ 2.1.2: Quy trình sản xuất thức ăn gia súc đậm đặc.**

Quy trình sản xuất của doanh nghiệp rất chặt chẽ, doanh nghiệp luôn chú trọng trong việc kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm ở đầu vào cũng như đầu ra. Doanh nghiệp đã tiến hành mua máy móc thiết bị hiện đại để sản xuất nên quy trình sản xuất sản phẩm diễn ra một cách liên tục và tự động hóa. Việc tự động hóa quy trình sản xuất giúp giải phóng sức lao động người công nhân chỉ làm nhiệm vụ theo dõi giám sát hoạt động của máy móc nên doanh nghiệp giảm bớt được chi phí nhân công, đảm bảo được sự chính xác khi trộn, pha chế nguyên vật liệu đầu vào nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế cao.

❖ **Tình hình sản xuất kinh doanh:**

Qua hơn 11 năm xây dựng và phát triển, công ty đã tạo dựng được uy tín và vị thế của mình trên thị trường bằng việc khẳng định chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự hài lòng cho người chăn người chăn nuôi. Với năng lực hiện tại công ty có thể cung cấp ra thị trường khoảng 300 ngàn tấn thức ăn đậm đặc/năm.

**2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty.**



**Sơ đồ 2.1.3: Mô hình bộ máy quản lý doanh nghiệp**

✓ **Giám đốc công ty:** Là người đứng đầu công ty chịu trách nhiệm đưa ra những quyết định, phương án kinh doanh, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

✓ *Phòng hành chính nhân sự:* Phòng có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo lao động lương thưởng cho cán bộ công nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như: tiếp khách, photo, lưu trữ,... các công tác hành chính khác.

✓ *Phòng tài chính kế toán:* Có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của đồng vốn kinh doanh cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh...

✓ *Phòng kỹ thuật vật tư:* Đảm nhận công tác xuất nhập khẩu của công ty giao nhận vật tư, công tác giám sát kiểm tra chất lượng sản phẩm, giải quyết và thực hiện các qui trình phản hồi của công ty khi có khiếu nại của người chăn nuôi thực hiện các quy trình khảo nghiệm.

✓ *Phòng tiêu thụ:* Phòng có chức năng tổ chức và giám sát việc tiêu thụ sản phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ tới các hộ gia đình, giám sát và đôn đốc việc tiêu thụ của các đại lý cấp I.

✓ *Phòng thị trường:* Tiến hành nghiên cứu đánh giá mở rộng thị trường. Xây dựng các kế hoạch thị phần, thị trường, mở rộng công tác tiêu thụ.

✓ *Phân xưởng sản xuất:* Nơi trực tiếp tổ chức sản xuất ra các sản phẩm theo kế hoạch đề ra. Người chịu trách nhiệm quản lý và điều hành tại phân xưởng là quản đốc phân xưởng, dưới là các phó quản đốc, tổ KCS, tổ trưởng các máy và công nhân.

#### **2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty**

##### **2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:**

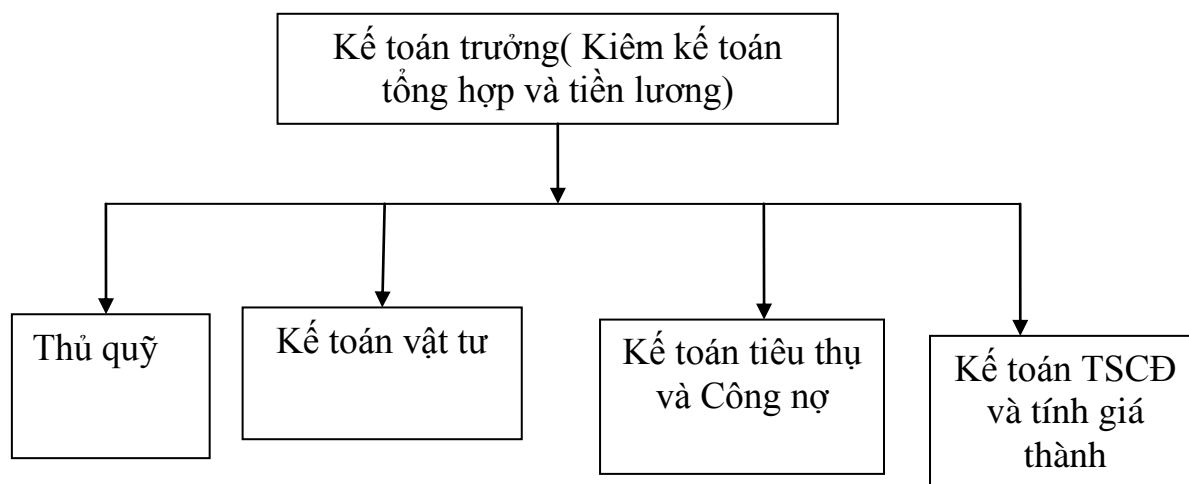
Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung.

Phương pháp kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp: Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% đối với hàng hóa bán ra.

Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.1.4



#### **Sơ đồ 2.1.4: Mô hình bộ máy kế toán**

Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và kế toán tiền lương: Có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ với các cán bộ công nhân trong toàn công ty. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn lên giám đốc cho hoạt động tương lai của công ty.

*Kế toán vật tư:* theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho đối với nguyên vật liệu đồng thời theo dõi tình hình thanh toán với nhà cung cấp.

*Kế toán tiêu thụ và Công nợ:* Theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua, người bán.

*Kế toán TSCĐ kiêm kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành:* Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm các TSCĐ, đồng thời tổ chức tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

*Thủ quỹ:* Đảm bảo các hoạt động quản lý và chi trả tiền trong các hoạt động giao dịch của công ty.

##### *2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty.*

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo QĐ số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.



### 2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản tại Công ty.

Công ty vận dụng hệ thống Tài khoản kế toán ban hành theo QĐ số 15/2006 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

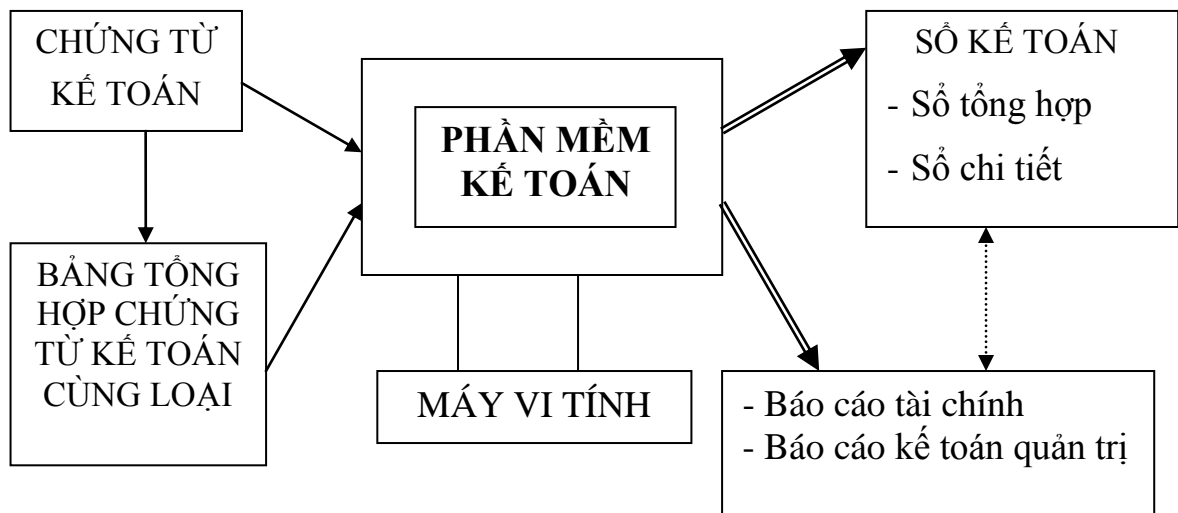
### 2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty.

Công ty đang sử dụng hệ thống phần mềm kế toán máy EFFECT theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12

### 2.1.4.5. Trình tự ghi sổ kế toán.

***Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.***



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ←

Ghi định kỳ: ←←

Đối chiếu: ←·····→

### **Sơ đồ 2.1.5: Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính.**

#### ***Giới thiệu phần mềm kế toán EFFECT:***

EFFECT là một phần mềm có mức độ tự động hóa cao. EFFECT luôn có khả năng trợ giúp cho các nhân viên kế toán một cách tối đa, nhân viên kế toán chỉ phải thực hiện một số ít các thao tác còn lại.

Màn hình EFFECT được thiết kế bao gồm những phần sau:

*Phần cập nhật dữ liệu đầu vào:* Cập nhật dữ liệu phát sinh là phần việc quan trọng của kế toán vì đây là các thông tin đầu vào của hệ thống sổ sách báo cáo. Danh mục loại chứng từ được phân thành nhiều nhóm để có thể cập nhật tất cả các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày.

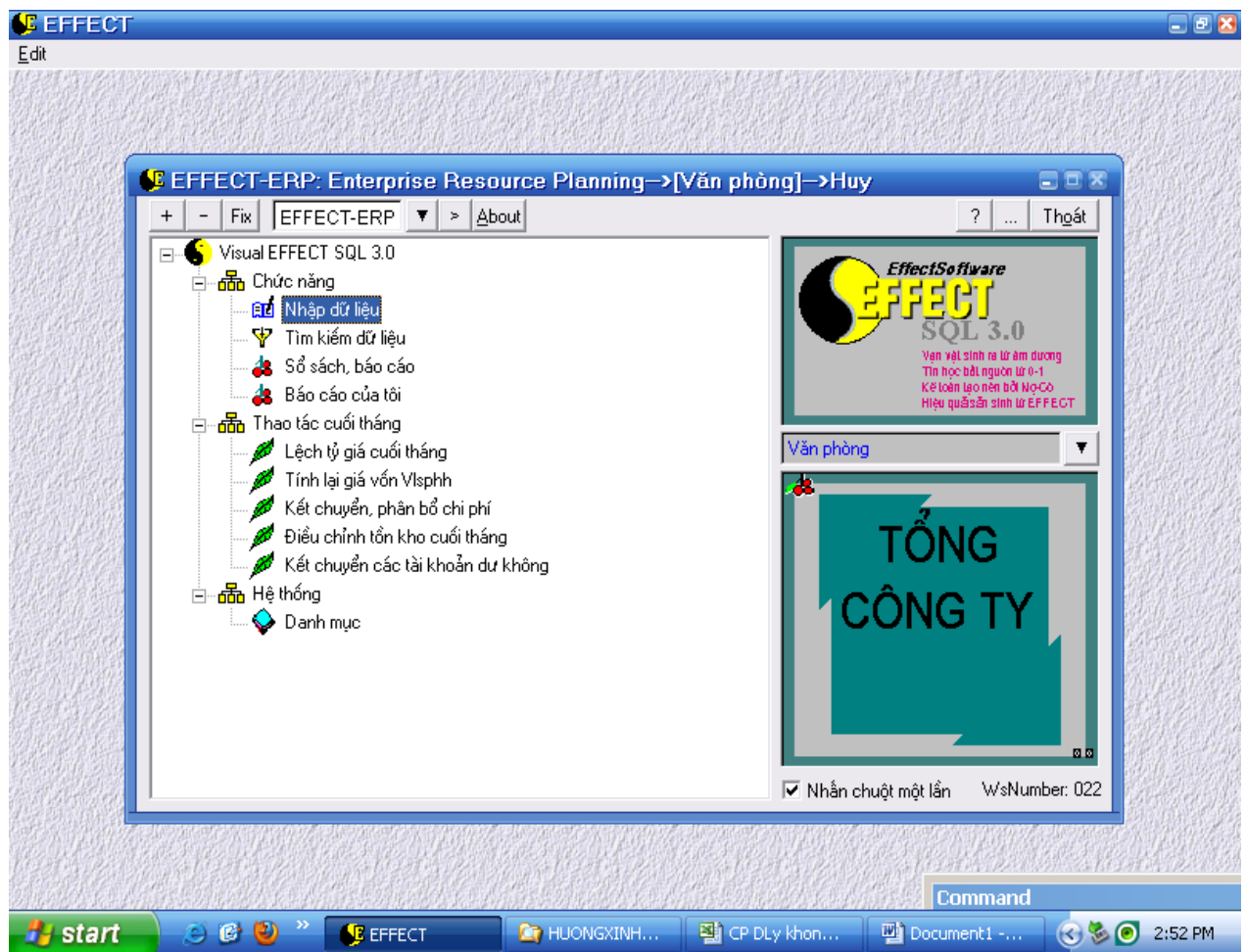
*Phần tìm kiếm, sửa hủy dữ liệu:* Giúp người sử dụng có thể tìm kiếm dữ liệu dưới dạng các chứng từ gốc đã nhập để xem, sửa, hủy khi cần thiết việc tìm kiếm dữ liệu được thực hiện bằng cách nhập các điều kiện lọc.

*Phần các thao tác cuối tháng:* Bao gồm các giao diện giúp người thực hiện các công việc kế toán tổng hợp như: kết chuyển chi phí, tính giá thành, kết chuyển các tài khoản không có số dư.

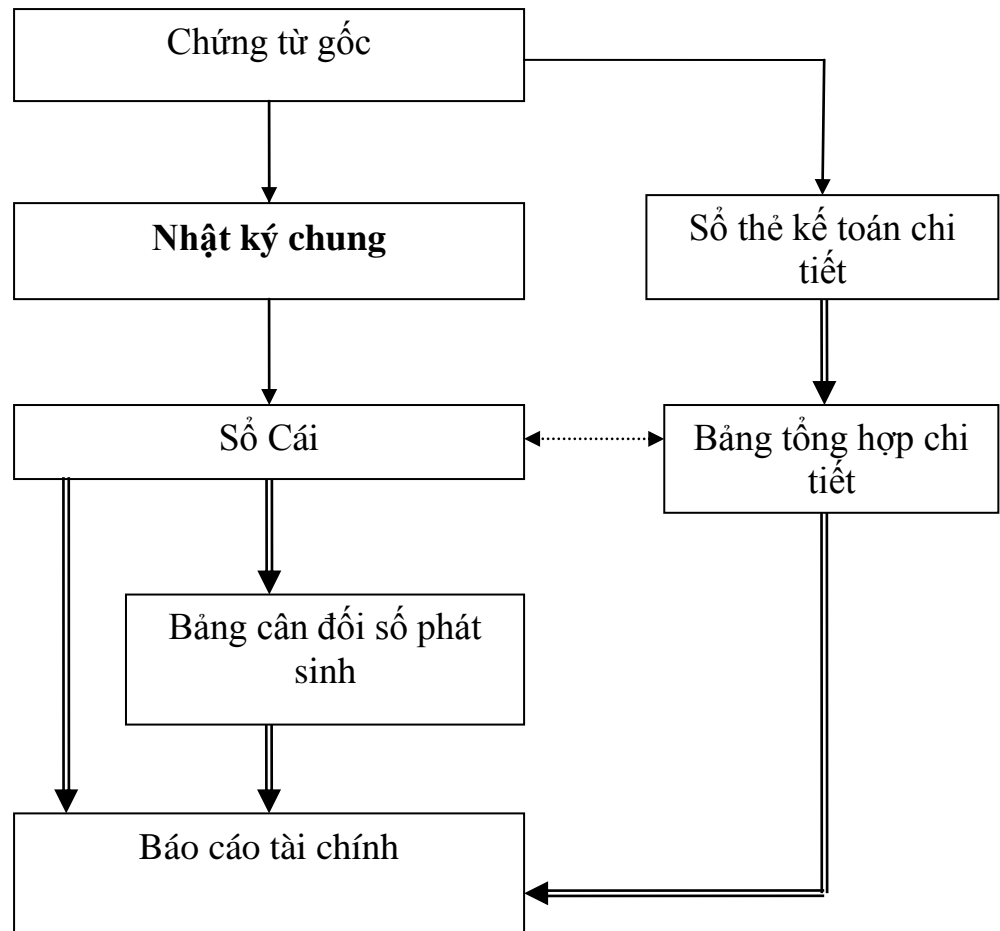
*Phần xem, in sổ sách báo cáo khai thác thông tin đầu ra:* Giao diện giúp người dùng xem được các thông tin sổ sách báo cáo trên màn hình hoặc in ra.

*Phần đặt các cấu hình hệ thống:* Bao gồm các tham số cấu hình về kế toán.

*Phần các thao tác hệ thống:* Bao gồm các nội dung như an toàn về dữ liệu(lưu bản sao, mở bản sao dữ liệu...) khóa số dữ liệu.



### Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: ←—————  
Ghi định kỳ: ←—————  
Đối chiếu: ←·····→

#### Sơ đồ 2.1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày kế toán căn cứ vào hóa đơn chứng từ để vào Sổ Nhật ký chung và vào sổ chi tiết tài khoản kế toán, Sổ Cái tài khoản. Đến cuối tháng từ Sổ Cái tài khoản kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh và sau đó vào đến Báo cáo tài chính.

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC.**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại VIC.**

Do đặc điểm của công ty là công ty sản xuất thức ăn gia súc nên hầu hết sản phẩm của Công ty là bán cho các đại lý của công ty và các cửa hàng được bán trực tiếp tại kho của công ty. Doanh thu chủ yếu của Công ty là doanh thu về:

- Thành phẩm thức ăn giá súc hỗn hợp Con Heo Vàng, hỗn hợp lợn con, hỗn hợp Ông Tiên,...
- Bán thành phẩm hỗn hợp Con Heo Vàng, bán thành phẩm dạng viên, bán thành phẩm sơ chế,...
- Ngoài ra các loại khác: thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu,....

Hình thức thanh toán của công ty chủ yếu bằng chuyển khoản.

Thuế GTGT đầu ra phải nộp của công ty được tính theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế GTGT công ty áp dụng là 5%.

#### **2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng bao gồm:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng( Mẫu 01 GTGT – 3LL), Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- + Liên 1( màu tím): lưu tại phòng tài chính kế toán của công ty.
- + Liên 2 ( màu đỏ): giao cho khách hàng
- + Liên 3( màu xanh): luân chuyển nội bộ.
  - Giấy báo có của ngân hàng
  - Phiếu thu.

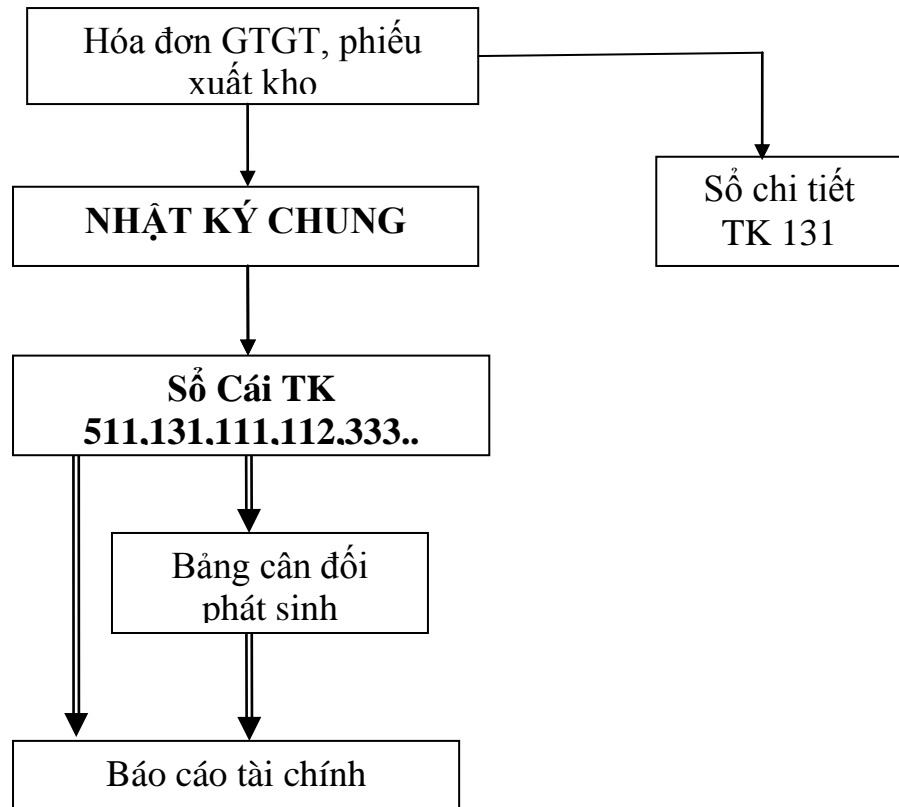
#### **2.2.1.2. Tài khoản sử dụng:**

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 111,112,131, 3331...

#### **2.2.1.3. Quy trình hạch toán:**

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết, khi công ty hoàn thành sản phẩm và chuyển cho khách hàng, kế toán sẽ ghi hóa đơn GTGT. Hóa đơn GTGT vừa là hóa đơn bán hàng, vừa là phiếu xuất kho, là căn cứ để đơn vị hạch toán doanh thu, thuế GTGT đầu ra, đồng thời làm căn cứ cho người mua là chứng từ đi đường, ghi sổ kế toán.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ← \_\_\_\_\_

Ghi định kỳ: ←=====

**Sơ đồ 2.1: Quy trình hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại VIC**

Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán EFECT. Hệ thống phần mềm sẽ tự động in số liệu ra các sổ sách liên quan như: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 511, 131, 333, 111....Cuối kỳ máy sẽ tự động tổng hợp để in Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.Đồng thời từ chứng từ gốc máy sẽ nhập số liệu vào sổ chi tiết phải thu khách hàng .

Thao tác cụ thể em xin trình bày ở ví dụ sau đây:

*Ví dụ 1: Theo hóa đơn GTGT số 00.0518 ngày 5 tháng 12 năm 2009, công ty TNHH TM VIC xuất hàng bán cho bà Lê Nguyễn Huệ thức ăn gia súc chưa thanh toán, tổng tiền 41.303.600 thuế suất thuế giá trị gia tăng cho loại mặt hàng này là 5%.*

Quy trình hạch toán như sau:

Kế toán lập hóa đơn GTGT (Biểu 2.1.1), tiếp đến kế toán chọn phần nhập dữ liệu màn hình dữ liệu sẽ xuất hiện ( Biểu 2.1.2) tại ô chứng từ kế toán chọn hóa đơn hàng hóa và thực hiện thao tác nhập số liệu , số liệu kế toán được hệ thống phần mềm kế toán EFFECT tự động chuyển sang Sổ Nhật ký chung( Biểu 2.1.6), Sổ Cái TK 511( Biểu 2.1.7), Sổ Cái TK 131 ( Biểu 2.1.8), Sổ chi tiết TK 131 ( Biểu 2.1.9), Sổ Chi tiết Phải nộp Nhà nước(Biểu 2.1.10) ... theo mô hình sau.



## HOÁ ĐƠN (GTGT)

Liên 1 : (L- u)  
Ngày 5 tháng 12 năm 2009.

Ký hiệu: AA/2009T

Số : 00.0518

**Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC**

**Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng - Điện thoại : 0313.742999**

**Số tài khoản: 3408659 Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hải Phòng**

**Mã số thuế:**

0	2	0	0	3	5	8	1	8	4				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

**Tên người mua hàng: Lê Nguyễn Huệ**

**Đơn vị:**

**Địa chỉ: 118 Lê Lai, Ngô Quyền Hải Phòng**

**Mã số thuế:**

0	2	0	0	7	5	8	5	3	8				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

**Hình thức thanh toán: CK**

Số TT	Tên hàng hoá,dịch vụ	Đ.vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền	Chiết khấu
1	TĂGS – Đ Đ(S12- T)	Kg	40	11 301.900	452 076	
2	TĂGS - Hỗn hợp SV7A	Kg	1300	6 111.430	7 944 857	
3	TĂGS - HH SV7B	Kg	1800	5 825.710	10 486 286	
4	TĂGS – HH 117A(17%)	Kg	200	6 511.430	1 302 286	
5	TĂGS – HH VIT(20%)	Kg	700	8 576.190	6 003 333	
6	TĂGS – X200R	Kg	200	11 873.335	2 374 667	
7	TĂGS - Đ Đ 151T	Kg	200	10 873.810	2 174 762	
8	TĂGS - Đ Đ 151B	Kg	900	11 739.259	10 565 333	
<b>Tổng cộng</b>						

**Cộng tiền hàng : 41 303 600**

**Tiền chiết khấu th- ơng mại**

**Tiền hàng tr- ớc thuế: 41 303 600**

**Thuế xuất GTGT: 5 %**

**Tiền thuế GTGT: 2 065 180**

**Tổng tiền thanh toán: 43 368 780**

**Số tiền bằng chữ:(Bốn mươi ba triệu,ba trăm sáu mươi tám ngàn, bảy trăm tám mươi đồng)**

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán tr- ợng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

### **Biểu 2.1.1: Hóa đơn GTGT**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
..	...	...	...	...	...
3/12/2009	PX 514	Xuất bán Vạn Phúc	632	99.526.360	
			155		99.526.360
	HD0515	Bán thu bằng tiền gửi NH	112	108.749.999	
			511		103.571.428
			3331		5.178.571
5/12/2009	PX 518	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	632	37.250.668	
			155		37.250.668
	HD0518	Bán hàng ch- a thu tiền	131	43.368.780	
			511		41.303.600
			3331		2.065.180
...	...	....	...	....	....
10/12/2009	PT 102	Xuất bán lẻ	632	8.761.900	
			155		8.761.900
	HD0530	Bán hàng thu bằng tiền mặt	1111	10.476.190	
			511		9.977.323
			3331		498.867
..	...	...	...	...	..
31/12/2009	PX 589	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	632	99.526.360	
			155		99.526.360
	HD0570	Bán ch- a thu tiền	131	108.749.999	
			511		103.571.428
			3331		5.178.571
		Cộng phát sinh		7.323.364.688.589	7.323.364.688.589

*(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)*

**Biểu 2.1.6: Sổ Nhật ký chung**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản : 511 - Doanh thu bán hàng  
Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

D- đầu kỳ: 0

D- cuối kỳ: 0

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
3/12/2009	HD0515	Xuất bán- Vạn Phúc	131		103.571.428
4/12/2009	HD0516	Xuất bán- Vạn Phúc	1111		13.756.500
5/12/2009	HD0518	Xuất bán-Lê Nguyễn Huệ	131		41.303.600
5/12/2009	HD0519	Xuất bán BTP Hồng Minh	1121		141.247.248
6/12/2009	HD0520	Xuất bán-Nhất Minh	131		138.758.175
7/12/2009	HD0523	Xuất bán- Nhất Minh	131		1.055.821.242
8/12/2009	HD0527	Xuất bán- Vạn Phúc	131		241.923.784
10/12/2009	HD0530	Xuất bán lẻ	1111		9.977.323
10/12/2009	HD0531	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	131		310.685.000
12/12/2009	HD0535	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	131		4.465.815.802
13/12/2009	HD0537	Xuất bán - Hồng Minh	131		2.410.759.206
14/12/2009	HD0540	Xuất bán-Hoàng Quân	131		605.048.384
15/12/2009	HD0543	Xuất bánTÀGS-ĐĐ gà đẻ(Tr.traị)	131		55.285.713
20/12/2009	HD0554	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	112		106.362.838
22/12/2009	HD0555	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	112		130.928.434
...	...	...	...	...	...
31/12/2009	HD0570	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	131		103.571.428
31/12/2009	PHT0096	k/c doanh thu bán hàng tháng 12	911	61.816.900.826	
		Cộng phát sinh		61.816.900.826	61.816.900.826

*(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)*

**Biểu 2.1.7: Sổ Cái TK 511**





Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản : 131 - Phải thu khách hàng  
Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

D- nợ đầu kỳ: 6.890.762.135

Đơn vị tính: đồng

D- nợ cuối kỳ: 16.927.928.396

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
3/12/2009	HD0515	Xuất bán cho Vạn Phúc	511	103.571.428	
			3331	5.178.571.429	
5/12/2009	HD0518	Xuất bán Lê Nguyễn Huệ	511	41.303.600	
			3331	2.065.180	
6/12/2009	HD0520	Xuất bán TAGS Nhất Minh	511	138.758.174	
			3331	6.937.908	
6/12/2009	BC012	Lê Nguyễn Huệ trả tiền	112		108.726.437
7/12/2009	HD0523	Xuất bánTAGS cho Nhất Minh	511	1.055.821.242	
			3331	52.791.062	
8/12/2009	BC017	Nhất Minh trả tiền	112		850.000.000
8/12/2009	BC018	Lê Nguyễn Huệ trả tiền	112		304.428.762
8/12/2009	HD0527	Xuất bán TAGS Vạn Phúc	511	241.922.927	
			3331	12.096.146	
9/12/2009	BC020	Vạn Phúc trả tiền	112		200.000.000
10/12/2009	HD0531	Xuất bán-Lê Nguyễn Huệ	511	310.685.000	
			3331	15.534.250	
11/12/2009	BC022	Hoàng Quân trả tiền	112		250.000.000
12/12/2009	HD0535	Xuất bán-Lê Nguyễn Huệ	511	4.465.815.802	
			3331	223.290.790	
13/12/2009	HD0537	Xuất bán- Hồng Minh	511	2.410.759.206	
			3331	120.537.960	
14/12/2009	HD0540	Xuất bánTAGS- Hoàng Quân	511	605.048.384	
			3331	30.252.419	
15/12/2009	HD0543	Xuất bánTAGS-ĐD gà đẻ(Tr.traị)	511	58.049.998	55.285.712
			3331	2.764.285	
...	...	...	...	...	...
31/12/2009	BC116	Lê Nguyễn Huệ trả tiền	112		850.000.000
31/12/2009	HD0570	Xuất bán-Lê Nguyễn Huệ	511	103.571.429	
			3331	5.178.571	
31/12/2009	BC118	Hồng Minh trả tiền	112		500.000.000
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>30.515.846.630</b>	<b>20.478.680.369</b>

(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

**Biểu 2.1.8: Sổ Cái TK 131**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 131- Phải thu khách hàng

Đối tượng: Lê Nguyễn Huệ

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

**D- nợ đầu kỳ:1.280.678.780**

**D- nợ cuối kỳ:3.430.812.368**

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKđ-	PS Nợ	PS Có	D- Nợ	D- Có
5/12/2009	HD0518	Xuất bán Lê Nguyễn Huệ	511.3331	43.368.780		1.324.047.560	
6/12/2009	BC012	Lê Nguyễn Huệ trả tiền	112		108.726.437	1.215.321.123	
8/12/2009	BC018	Lê Nguyễn Huệ trả tiền	112		304.428.762	910.892.361	
10/12/2009	HD0531	Xuất bán Lê Nguyễn Huệ	511.3331	326.219.250		1.237.111.611	
12/12/2009	HD0535	Xuất bán Lê Nguyễn Huệ	511.3331	4.689.106.592		5.926.218.203	
20/12/2009	BC045	Lê Nguyễn Huệ trả tiền	112		116.680.980	5.809.537.223	
22/12/2009	BC055	Lê Nguyễn Huệ trả tiền	112		137.474.855	5.672.062.368	
31/12/2009	BC116	Lê Nguyễn Huệ trả tiền	112		850.000.000	4.822.062.368	
31/12/2009	HD0570	Xuất bán Lê Nguyễn Huệ	511.3331	108.750.000		4.930.812.368	
31/12/2009	BC117	Lê Nguyễn Huệ trả tiền	112		1.500.000.000	3.430.812.368	
		Cộng phát sinh		5.167.444.622	3.017.311.034		

(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

**Biểu 2.1.9: Sổ chi tiết TK 131**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 333 - Phải nộp Nhà n- ớc  
Đối t- ơng: Thuế Giá trị gia tăng phải nộp  
Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

D- có đầu kỳ: 383.749.530

D- có cuối kỳ: 2.707.095.511

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKd-	PS Nợ	PS Có	D- Nợ	D- Có
3/12/2009	HD0515	Xuất bán cho Vạn Phúc	131		5.178.572		1.544.865.700
4/12/2009	HD0516	Xuất bán Đậu tằm cho Vạn Phúc	1111		687.825		1.545.553.525
5/12/2009	HD0518	Xuất bán Lê Nguyễn Huệ	131		2.065.180		1.547.615.705
5/12/2009	HD0519	Xuất bán BTP Hồng Minh	1121		7.062.362		1.554.78.067
6/12/2009	HD0520	Xuất bán TAGS Nhất Minh	131		6.937.909		1.561.615.976
7/12/2009	HD0523	Xuất bán TAGS cho Nhất Minh	131		52.791.062		1.614.407.038
8/12/2009	HD0527	Xuất bán TAGS Vạn Phúc	131		12.096.189		1.626.503.227
10/12/2009	HD0531	Xuất bán Lê Nguyễn Huệ	131		15.534.250		1.642.536.344
10/12/2009	UNC0038	Nộp thuế GTGT tháng 11	1111	383.749.530			1.258.786.814
12/12/2009	HD0535	Xuất bán TAGS bà Lê Nguyễn Huệ	131		223.290.790		1.889.872.460
13/12/2009	HD0537	Xuất bán TAGS Cho Hồng Minh	131		120.537.960		1.904.678.450
14/12/2009	HD0540	Xuất bán TAGS cho Hoàng Quân	131		30.252.419		1.932.468.756
15/12/2009	HD0543	Xuất bán TAGS-ĐĐ gà đẻ (Tr. trại)	131		2.764.286		1.951.238.738
20/12/2009	HD0554	Xuất bán TAGS Lê Nguyễn Huệ	112		5.318.247		2.368.726.450
22/12/2009	HD0555	Xuất bán TAGS Lê Nguyễn Huệ	112		6.546.422		2.375.272.872
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2009	HD0570	Xuất bán TAGS cho Lê Nguyễn Huệ	131		5.178.571		2.707.095.511
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>383.749.530</b>	<b>2.707.095.511</b>		

(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu 2.1.10: Sổ chi tiết TK 333

### **2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương Mại VIC.**

Công ty bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp.

Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá thực tế của sản phẩm, hàng hoá tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hoá. Căn cứ vào số lượng hàng hoá, nguyên vật liệu xuất ra trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định giá thực tế xuất trong kỳ.

#### **2.2.1.1. Chứng từ kế toán Công ty sử dụng:**

- Phiếu xuất kho: được lập 3 liên

Liên 1: lưu tại quyền

Liên 2: giao cho kế toán ghi sổ rồi lưu tại phòng kế toán.

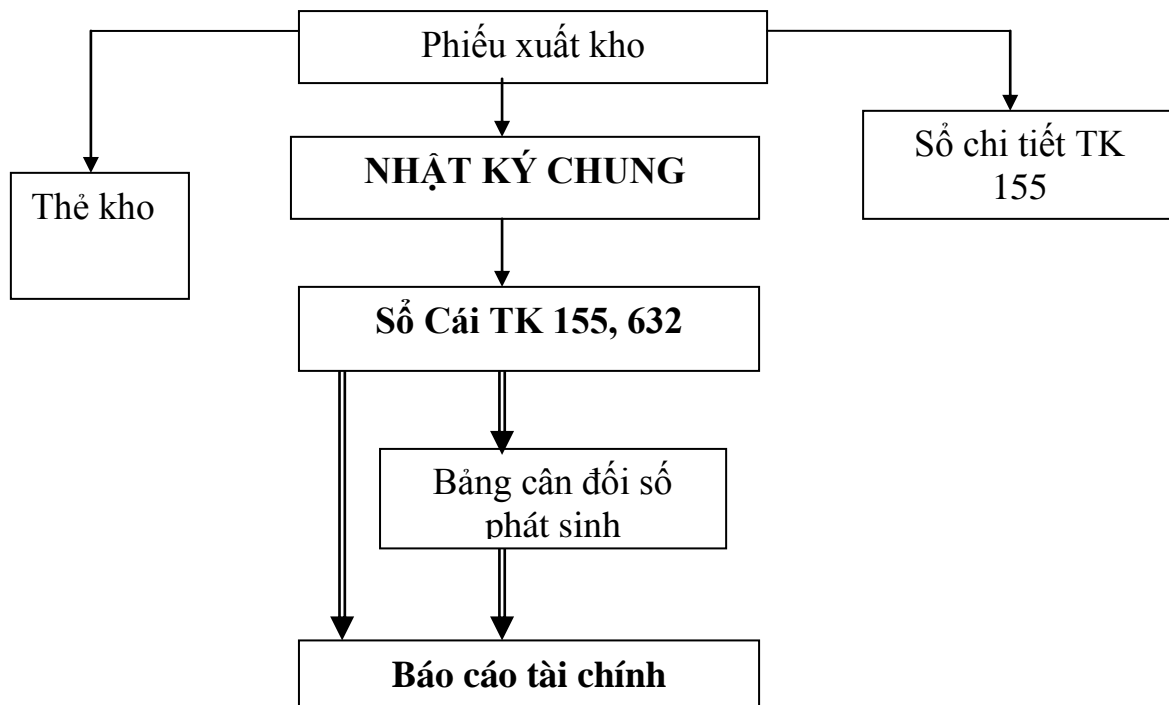
Liên 3: giao cho thủ kho và lưu giữ tại bộ phận kho.

#### **2.2.1.2. Tài khoản sử dụng**

TK 632 – Giá vốn hàng bán

TK 155 – Thành phẩm.

#### **2.2.1.3. Quy trình hạch toán:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ←

Ghi định kỳ: ←←

**Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán Giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM VIC**

*Theo Ví dụ 1: Công ty bán hàng cho khách hàng Lê Nguyễn Huệ theo HĐ GTGT số 000518 khách hàng chưa trả tiền. Kế toán lập phiếu xuất kho như sau.*

Cty TNHH Thương Mại VIC		Mẫu số: 02 - VT ( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)				
<b>PHIẾU XUẤT KHO</b>						
Ngày 5 tháng 12 năm 2009						
Số: PX 518						
Nợ TK : 632 Có TK : 155						
Tên người nhận hàng : Lê Nguyễn Huệ Địa chỉ : 118 Lê Lai – Ngô Quyền Hải Phòng. Xuất tại kho : kho thành phẩm công ty.						
STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
			Yêu cầu	Thực xuất		
01	TAGS- Đ Đ(S12-T)	Kg	40	40	8.847	353.907
02	TAGS- Hỗn hợp SV7A	Kg	1300	1300	5.722	7.438.838
03	TAGS- HH SV 7B	Kg	1800	1800	5.697	10.255.163
04	TAGS- HH 117A(17%)	Kg	200	200	6.346	1.269.203
05	TAGS HH VIT(20%)	Kg	700	700	6.801	4.760.709
06	TAGS-X 2000R	Kg	200	200	9.992	1.998.364
07	TAGSĐ Đ 151T	Kg	200	200	10.828	2.565.526
08	TAGSĐ Đ 151B	Kg	900	900	9.565	8.608.978
	<b>Cộng</b>					37.250.668
Tổng số tiền(viết bằng chữ):Ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn sáu trăm sáu tám đồng chẵn./.						
Ngày 5 tháng 12 năm 2009						
<b>Bộ phận cung ứng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người nhận</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ kho</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		

**Biểu 2.2.1: Phiếu xuất kho**

Từ phiếu xuất kho trên kế toán nhập số liệu vào phần mềm, phần mềm sẽ tự động in số liệu ra các sổ sách liên quan: Sổ Nhật ký chung(Biểu 2.2.2), Sổ Cái TK 632(Biểu 2.2.3), Sổ Cái TK 155(Biểu 2.2.4), Sổ chi tiết TK 155. Cuối tháng tại giao diện của phần mềm kế toán chọn phân thao tác cuối tháng và chọn Kết chuyển các tài khoản không dư hệ thống phần mềm kế toán tự động kết chuyển TK 632 sang TK 911 và xác định kết quả kinh doanh.Quy trình luân chuyển như sau:



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
..	...	...	...	...	...
3/12/2009	PX 514	Xuất bán Vạn Phúc	632	99.526.360	
			155		99.526.360
	HD0515	Bán thu bằng tiền gửi NH	112	108.749.999	
			511		103.571.428
			3331		5.178.571
5/12/2009	PX 518	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	632	37.250.668	
			155		37.250.668
	HD0518	Bán hàng ch- a thu tiền	131	43.368.780	
			511		41.303.600
			3331		2.065.180
...	...	....	...	....	....
10/12/2009	PT 102	Xuất bán lẻ	632	8.761.900	
			155		8.761.900
	HD0530	Bán hàng thu bằng tiền mặt	1111	10.476.190	
			511		9.977.323
			3331		498.867
..	...	...	...	...	..
31/12/2009	PX 589	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	632	99.526.360	
			155		99.526.360
	HD0570	Bán ch- a thu tiền	131	108.749.999	
			511		103.571.428
			3331		5.178.571
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>7.323.364.688.589</b>	<b>7.323.364.688.589</b>

*(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC*

*Biểu 2.2.2: Sổ Nhật ký chung.*



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản : 632 - Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

D- đầu kỳ: 0

Đơn vị tính: đồng

D- cuối kỳ: 0

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
3/12/2009	PX 514	Xuất bán- Vạn Phúc	155	99.526.360	
4/12/2009	PX 516	Xuất bán- Vạn Phúc	155	10.526.737	
5/12/2009	PX518	Xuất bán Lê Nguyễn Huệ	155	37.250.668	
5/12/2009	PX 519	Xuất bán BTP Hồng Minh	155	138.472.368	
6/12/2009	PX520	Xuất bán-Nhất Minh	155	127.735.642	
7/12/2009	PX 521	Xuất bán-Nhất Minh	155	1.010.768.379	
8/12/2009	PX 522	Xuất bán- Vạn Phúc	155	224.368.726	
12/12/2009	PX 535	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	155	7.168.372	
13/12/2009	PX 537	Xuất bán - Hồng Minh	155	4.446.798.384	
14/12/2009	PX540	Xuất bán- Hoàng Quân	155	2.279.713.175	
15/12/2009	PX 542	Xuất bánTÁGS-ĐĐ gà đẻ(Tr.trại)	155	505.728.369	
20/12/2009	PX 558	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	155	37.317.582	
22/12/2009	PX 563	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	155	96.728.457	
...	...	...	155	...	
31/12/2009	PX 589	Xuất bán- Lê Nguyễn Huệ	155	99.526.360	
31/12/2009	PHT0097	k/c giá vốn hàng bán sang 911	911		56.059.863.848
		Cộng phát sinh		56.059.863.848	56.059.863.848

*(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)*

**Biểu 2.2.3: Sổ Cái TK 632**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản: 155- Thành phẩm  
Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

Đơn vị tính: đồng

**D- nợ đầu kỳ: 932.370.257**

**D- nợ cuối kỳ: 760.856.315**

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
1/12/2009	PN496	Nhập kho TĂGS-hỗn hợp	154	1.368.492.568	
1/12/2009	PXVT850	Xuất 10 kg SH9T - hội thảo	641		105.180
1/12/2009	PXVT850	Xuất 5 kg X2000RT - hội thảo	641		47.590
3/12/2009	PX 514	Xuất bán cho Vạn Phúc	632		99.526.360
4/12/2009	PX 516	Xuất bán Đậu t- ơng cho Vạn Phúc	632		10.526.737
5/12/2009	PX518	Xuất bán Lê Nguyễn Huệ	632		37.250.668
5/12/2009	PX 519	Xuất bán BTP Hồng Minh	632		138.472.368
6/12/2009	PX520	Xuất bán TĂGS Nhất Minh	632		127.735.642
7/12/2009	PX 521	Xuất bán TĂGS cho Nhất Minh	632		1.010.768.379
8/12/2009	PX 522	Xuất bán TĂGS Vạn Phúc	632		224.368.726
12/12/2009	PX 535	Xuất bán TĂGS bà Lê Nguyễn Huệ	632		7.168.372
13/12/2009	PX 537	Xuất bán TĂGS Cho Hồng Minh	632		4.446.798.384
14/12/2009	PX540	Xuất bán TĂGS cho Hoàng Quân	632		2.279.713.175
15/12/2009	PX 542	Xuất bán TĂGS-ĐĐ gà đẻ(Tr. trại)	632		505.728.369
15/12/2009	PN573	Nhập kho TĂGS-hỗn hợp	154	8.678.926.786	
20/12/2009	PX 558	Xuất bán TĂGS Lê Nguyễn Huệ	632		37.317.582
22/12/2009	PX 563	Xuất bán TĂGS Lê Nguyễn Huệ	632		96.728.457
...	...	...	...	...	....
31/12/2009	PX 589	Xuất bán TĂGS cho Lê Nguyễn Huệ	632		99.526.360
31/12/2009	PN626	Nhập kho thành phẩm từ sản xuất	154	5.876.833.956	
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>21.876.833.956</b>	<b>22.048.347.998</b>

(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

**Biểu 2.2.4: Sổ Cái TK 155**





Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 155 - Thành phẩm

Đối tượng: TÀGS Hồn hợp SV7A

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	SL tồn đầu	Tiền tồn đầu	SL nhập	T.Tiền nhập	SL xuất	G.vốn H.xuất	SL tồn	Tiền tồn
					2.300	13.480.141						
1/12/2009	PN496	Nhập kho thành phẩm	154				128.758	768.637.295			131.058	782.117.36
5/12/2009	PX518	Xuất bán Lê Nguyễn Huệ	632	5.722,483					1.300	7.438.838	215.975	774.678.598
6/12/2009	PX517	Xuất bán TÀGS Nhất Minh	632	5.722,483					2.500	14.305.457	213.475	760.373.141
8/12/2009	PX 522	Xuất bán TÀGS Vạn Phúc	632	5.722,483					450	2.574.982	213.025	757.798.159
10/12/2009	PX528	Xuất bán lẻ	632	5.722,483					250	1.430.545	212.775	756.367.614
14/12/2009	PX542	Xuất bán lẻ	632	5.722,483					450	2.574.982	212.325	753.792.632
15/12/2009	PN573	Nhập kho thành phẩm	154				86.217	461.235.838			298.542	1.215.028.470
..	...	...	...	...	...	...	...	..	...	...	..	..
22/12/2009	PX563	Xuất bán Lê Nguyễn Huệ	632	5.722,483					1.300	7.438.838	256.728	1.349.285.644
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	..
		<b>Cộng</b>			2.300	13.480.141	214.975	1.229.873.133	214.910	1.229.754.349	2.365	13.598.925

(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

**Biểu 2.2.5: Sổ chi tiết TK 155**

### **2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN tại Công ty TNHH Thương mại VIC**

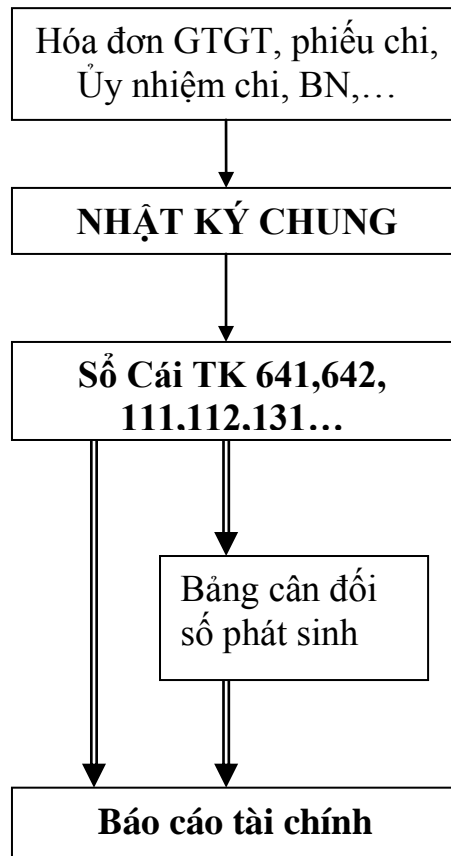
#### **2.2.3.1. Chứng từ sử dụng:**

Hóa đơn GTGT  
Phiếu chi  
Ủy nhiệm chi  
Báo Nợ

#### **2.2.3.2. Tài khoản sử dụng**

TK 641, 642  
TK 111, 112, 131,...

#### **2.2.3. Quy trình hạch toán:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ←

Ghi định kỳ: ←←

**Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán Chi phí bán hàng & Chi phí QLDN**

Từ Phiếu Chi (Biểu 2.3.1), Phiếu thu (Biểu 2.3.2) kế toán nhập số liệu vào phần mềm, phần mềm tự động in số liệu ra các sổ sách liên quan: Nhật ký chung (Biểu 2.3.3), Sổ Cái TK 641(Biểu 2.3.4), Sổ Cái TK 642(Biểu 2.3.5),... Đến cuối tháng kế toán thực hiện thao tác kết chuyển phần mềm tự động kết chuyển TK 641,642 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

*Ví dụ minh họa:*

Ví dụ 2: Ngày 2 tháng 12 năm 2009 công ty đã chi tiền mặt cho chi phí xe ô tô mang biển số 16H-6683 đi công tác tháng 11/2009 với số tiền 4 868 182

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC  
Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP  
Mã số thuế: 0200358184  
Tel: (031) 742976

Mẫu số: C 22 - H  
Số: PC 0008  
Nợ: 641  
Có: 1111

**PHIẾU CHI**  
Ngày 2/12/2009

Họ tên người nhận Phạm Văn Tuấn  
Địa chỉ (tên) Phòng kinh doanh  
Lý do chi Chi tiền chi phí xe ô tô đi công tác  
Số tiền **4 868 182 VND**  
Bằng chữ Bốn triệu tám trăm sáu tám ngàn một trăm tám hai đồng.

Kèm theo ..... Chứng từ gốc  
GGT (CMT) số : Ngày :

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền  
(bằng chữ)

**Bốn triệu tám trăm sáu tám ngàn một trăm tám hai đồng.**

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

Ngày 2 Tháng 12 Năm 2009  
**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.3.1: Phiếu chi**

Ví dụ 3: Ngày 14 tháng 12 năm 2009 công ty có Ủy nhiệm chi cho việc chi trả tiền điện tại Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng với số tiền 59 904 460.

Liên 2

**ỦY NHIỆM CHI**      SỐ: UNC0048      MS 01 NH NN

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN      Lập ngày: 14/12/2009

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH Thương mại VIC

Số tài khoản: 3408659

Tại ngân hàng: Chi nhánh TMCP á Châu

Tỉnh, TP: Hải Phòng

---

Tên đơn vị nhận tiền: CN Cty TNHH MTV Điện lực HP - Điện lực Lê Chân

Số tài khoản: 102010000207186

Tại ngân hàng: Ngân Hàng Công Thương Lê Chân - HP

Tỉnh, TP: Hải Phòng

---

Số tiền bằng chữ: Năm mươi chín triệu, chín trăm linh bốn ngàn, bốn trăm sáu mươi đồng

PHẦN DO NH GHI
TÀI KHOẢN NỢ
TÀI KHOẢN CÓ
SỐ TIỀN BẰNG SỐ
59 904 460

Nội dung thanh toán: Chuyển trả tiền điện kỳ 1 từ 21/11 đến 05/12 - Điện lực Lê Chân

Đơn vị trả tiền		Ngân hàng A		Ngân hàng B	
Kế toán	Chủ tài khoản	Ghi số ngày: 14/12/09		Ghi số ngày	
		Kế toán	Trưởng phòng kế toán	Kế toán	Trưởng phòng kế toán
		Đào Hương Giang			

**Biểu 2.3.2: Ủy nhiệm chi**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
1/12/2009	PXVT850	Xuất 10 kg SH9T - hội thảo	641	105.180	
			155		105.180
1/12/2009	PXVT850	Xuất 5 kg X2000RT - hội thảo	641	47.590	
			155		47.590
2/12/2009	PC0003	Chi mua vé máy bay đi công tác	642	2.445.000	
			1111		2.445.000
2/12/2009	PC0008	Chi phí xe ôtô 16H-6683 đi công tác	641	4.868.182	
			1111		4.868.182
3/12/2009	PC0024	Chi ăn ca cán bộ công nhân viên	642	2.646.000	
			1111		2.646.000
4/12/2009	PC0029	Chi trả tiền đvụ bảo vệ tháng 11	642	13.300.000	
			1111		13.300.000
...	...	...	...	...	...
14/12/2009	PC0079	Chi tiền sửa chữa xe 16H - 6684	641	4.256.000	
			1111		4.256.000
14/12/2009	UNC048	Chi tiền điện văn phòng tháng 11	642	54.458.600	
			133	5.445.860	
			1121		59.904.460
15/12/2009	PC0091	Chi tiền chi phí tiếp khách	642	1.600.000	
			1111		1.600.000
25/12/2009	PHT0028	C- ớc vận chuyển tags HP - HCM	641	29.523.810	
			331		29.523.810
25/12/2009	PHT0035	Tiền c- ớc vận chuyển hàng NL	641	61.815.500	
			331		61.815.500
25/12/2009	PHT0029	Tiền mua xăng đi công tác T11	642	8.640.340	
			331		
31/12/2009	PHT0081	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2009	641	13.831.337	
			2141		13.831.337
31/12/2009	PHT0082	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2009	642	21.470.546	
			2141		21.470.546
..	...	...	...	...	....
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>7.323.364.688.589</b>	<b>7.323.364.688.589</b>

(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

**Biểu 2.3.3: Sổ Nhật Ký chung**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản : 641 - Chi phí Bán hàng

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

D- đầu kỳ: 0

Đơn vị tính: đồng

D- cuối kỳ: 0

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
1/12/2009	PXVT850	Xuất 10 kg SH9T - hội thảo	155	105.180	
1/12/2009	PXVT850	Xuất 5 kg X2000RT - hội thảo	155	47.590	
2/12/2009	PC0008	Chi phí xe ô tô 16H-6683 đi công tác	1111	4.868.182	
2/12/2009	PC0009	Chiphí xe ô tô 16L - 4811 đi công tác	1111	5.272.727	
2/12/2009	PC00016	Chiphí xe ô tô 16H - 5873 đi công tác	1111	468.182	
..	...	...	....	...	...
14/12/2009	PC0079	Chi tiền sửa chữa xe 16H - 6684	1111	4.256.000	
25/12/2009	PHT0028	C- ớc vận chuyển TÀ GS điTP HCM	331	29.523.810	
25/12/2009	PHT0035	Tiền c- ớc vận chuyển nguyên liệu	331	61.815.500	
26/12/2009	PHT0044	Tiền mua dầu, vé cầu đ- ồng xe16L 2058	331	14.312.280	
30/12/2009	PC0155	Chi mua lốp, sửa xe ô tô 16K - 9599	1111	2.554.545	
31/12/2009	PHT0079	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2009	2141	13.831.337	
31/12/2009	PXVT879	Xuất hàng hoá hội thảo T11+12	1561	19.849.930	
31/12/2009	PHT0080	Phân bổ BHXH quý4/2009 vào CPBH	3383	24.768.000	
31/12/2009	PHT0080	Phân bổ BHYT quý 4/2009 vàoCPBH	3384	3.094.009	
31/12/2009	PHT0097	KC chi phí bán hàng sang 911			790.615.214
		Cộng phát sinh		790.615.214	790.615.214

*(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)*

**Biểu 2.3.4: Sổ Cái TK 641**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản : 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp  
Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

D- đầu kỳ: 0

Đơn vị tính: đồng

D- cuối kỳ: 0

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKd-	PS Nợ	PS Có
2/12/2009	PC0003	Chi trả tiền vé máy bay đi công tác	1111	2.445.000	
2/12/2009	PC0004	Chi tiền mua dụng cụ hành chính	1111	909.019	
3/12/2009	PC0024	Chi tiền ăn ca cán bộ công nhân viên	1111	2.646.000	
4/12/2009	PC0029	Chi trả tiền dịch vụ bảo vệ tháng 11	1111	13.300.000	
4/12/2009	PC0030	Chi tiền l- ơng bảo vệ tháng 11/2009	1111	200.000	
11/12/2009	PC0075	Chi tiền chi phí hành chính T12/2009	1111	3.216.000	
14/12/2009	UNC048	Chi tiền điện văn phòng tháng 11	1121	54.458.600	
15/12/2009	PC0091	Chi tiền chi phí tiếp khách	1111	1.600.000	
18/12/2009	PC0105	Chi trả tiền điện thoại tháng 11/2009	1111	3.775.828	
25/12/2009	PHT0023	Tiền mua tủ lạnh Hitachi	331	14.300.000	
25/12/2009	PHT0029	Tiền mua xăng đi công tác tháng 11	331	8.640.340	
..	...	...	...	...	..
25/12/2009	PHT0029	Tiền mua xăng đi công tác tháng 11	331	549.65	
31/12/2009	PHT0061	Phân bổ 25% chi phí bảo trì EFFECT	1421	17.386.464	
31/12/2009	PHT0067	Trích l- ơng tháng 12 và 13 bp KD	334	700.000.000	
31/12/2009	PHT0080	Phân bổ tiền bảo hiểm xã hội,	3383	16.924.800	
31/12/2009	PHT0080	Phân bổ tiền bảo hiểm y tế quý 4/2009	3384	2.114.239	
31/12/2009	PHT0081	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2009	2143	13.310.871	
31/12/2009	PHT0082	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2009	2141	21.470.546	
31/12/2009	PHT0097	K/c CP quản lý doanh nghiệp sang 911			1.034.827.648
		Cộng phát sinh		1.034.827.648	1.034.827.648

(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

**Biểu 2.3.5: Sổ Cái TK 642**

#### **2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương mại VIC.**

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu là lãi từ tiền gửi Ngân hàng.  
Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là chi phí về trả lãi tiền vay Ngân hàng.

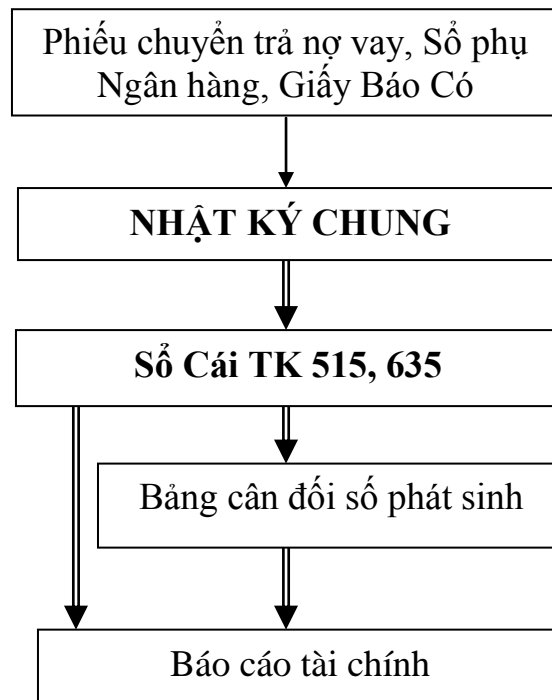
##### **2.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

Giấy báo Có  
Sổ phụ ngân hàng.  
Phiếu chuyển trả nợ vay

##### **2.2.4.2. Tài khoản sử dụng:**

Công ty sử dụng TK 515: doanh thu hoạt động tài chính  
TK 635: Chi phí tài chính

##### **2.2.4.3. Quy trình hạch toán:**



Ghi hàng ngày: ←

Ghi định kỳ: ←

#### **Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán Doanh thu tài chính, Chi phí tài chính**

Từ Phiếu chuyển trả nợ vay( Biểu 2.4.1), Giấy báo Có ( Biểu 2.4.2), kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm, phần mềm tự động in vào sổ sách liên quan: Nhật ký chung (Biểu 2.4.3), Sổ Cái TK 515 (Biểu 2.4.4), Sổ Cái TK 635(Biểu 2.4.5). Đến cuối tháng kế toán thực hiện thao tác kết chuyển phần mềm tự động kết chuyển TK 515, 635 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

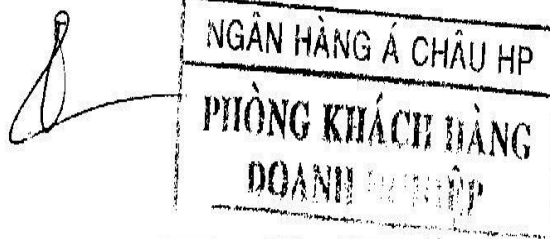


Ví dụ 4: Ngày 1 tháng 12 năm 2009 Công ty chuyển trả nợ vay cho TK 61656999 của Ngân hàng ACB CN Hải Phòng với số tiền 7 698 965. Ngân hàng ACB chuyển cho Công ty phiếu chuyển trả lãi vay như sau:

<b>Ngân Hàng Á Châu</b>		<b>PHIẾU CHUYỂN KHOẢN TRẢ NỢ VAY</b>	
Chi nhánh:	ACB - CN HAI PHONG	01-12-2009	
			So GD: 51
			Ma GDV: GIANGDHHAP
			Lien: 2
Họ và tên người nộp:	CTY TNHH TM VIC	CMT:	
Chu tại khoản:	CTY TNHH THƯƠNG MAI VIC	So TK: 61656999	
Ma KH:	10216	So HD: 31	
Ma số thuế:	0200358184	So TK d/u: 3408659	
So tiền	Bằng số: 887,580,688.00 VND		
	Bằng chữ: TAM TRAM TAM MUOI BAN TRIEU NAM TRAM TAM MUOI NGAN SAU TRAM TAM MUOI TAM ĐONG CHAN		
Ghi chú	Tra vốn: 879,881,723.00	Dư nợ mới: 0.00	
	Tra lại: 7,698,965.00		
	Tra phạt: 0.00		
	Tra đủ: 0.00		
	Tra khác: 0.00		
Nội dung:	TAT TOAN TKV 61656999		

Giao dịch viên

Kiểm soát



**Biểu 2.4.1: Phiếu chuyển trả nợ vay**

Ví dụ 5: Ngày 25 tháng 12 năm 2009 Công ty nhận được giấy báo Có của Ngân hàng TMCP Á Châu về việc được hưởng lãi tiền gửi với số tiền là 109 929

Ngân hàng TMCP Á Châu  
Chi nhánh: ACB – CN HẢI PHÒNG  
Mã số thuế: 03014529948-002

Ký hiệu: HD/2009T  
Số hóa đơn: 11 4690B002 197246  
Mã GDV: GIANGDHHAP  
Số GD: 0096  
Lien 2

**GIẤY BÁO CÓ**  
**25-12-2009**

Chủ tài khoản: CTY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Mã KH: 10216

Địa chỉ: KHU CN VĨNH NIỆM P VĨNH NIỆM Quận Lê Chân Tp Hải Phòng

Số tài khoản: 3408659

Mã số thuế: 0200358184

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 3408659

Số tiền bằng số: **109 929**

Số tiền bằng chữ: Một trăm linh chín ngàn chín trăm hai mươi chín đồng chẵn.

Nội dung: Lãi nhập vốn.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Trưởng phòng

NGÂN HÀNG Á CHÂU HP  
PHÒNG KHÁCH HÀNG  
DOANH NGHIỆP

***Biểu 2.4.2. Giấy báo Có***



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
..	...	...	...	...	...
1/12/2009	SPAC0001	Trả nợ vay Tk 61656999	311	879.881.723	
			1121		879.881.723
1/12/2009	SPAC0001	Trả lãi vay TK 61656999	635	7.698.965	
			1121		7.698.965
2/12/2009	SPAC0002	Trả lãi vay TK 66309569	635	14.038.776	
			1121		14.038.776
5/12/2009	SPAC0005	Trả lãi vay TK 66388869	635	4.098.894	
			1121		4.098.894
10/12/2009	SPAC0009	Phí chuyển tiền	635	10.000	
			1121		10.000
18/12/2009	SPAC0016	Phí chuyển tiền	635	1.363.64	
			1121		1.363.64
19/12/2009	SPAC0017	Trả lãi vay TK 67211689	635	9.367.986	
			1121		9.367.986
25/12/2009	BC0096	Lãi nhập vốn	1121	109.929	
			515		109.929
27/12/2009	BC00105	Lãi nhập vốn	1121	201.598	
			515		201.598
30/12/2009	BC00130	Lãi nhập vốn	1121	111.075	
			515		111.075
30/12/2009	SPAC0025	Trả lãi vay TK 69689309	635	31.213.279	
			1121		31.213.279
31/12/2009	SPAC0161	Phí chuyển tiền	635	454.545	
			1121		454.545
...	...	...	...	...	...
<b>Cộng phát sinh</b>				<b>7.323.364.688.589</b>	<b>7.323.364.688.589</b>

(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)  
**Biểu 2.4.3: Sổ Nhật Ký chung**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản: 515- Doanh thu tài chính

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

D- đầu kỳ: 0

D- cuối kỳ: 0

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKd-	PS Nợ	PS Có
..	..	..	..	..	..
25/12/2009	BC0096	Lãi nhập vốn	1121		109.929
25/12/2009	BC0097	Lãi nhập vốn	1121		189.762
25/12/2009	BC0098	Lãi nhập vốn	1121		146.789
..	..		..	..	..
27/12/2009	BC00102	Lãi nhập vốn	1121		248.763
27/12/2009	BC00103	Lãi nhập vốn	1121		89.785
27/12/2009	BC00104	Lãi nhập vốn	1121		137.379
27/12/2009	BC00105	Lãi nhập vốn	1121		201.598
..	...		...	...	...
30/12/2009	BC00130	Lãi nhập vốn	1121		111.075
31/12/2009	PHT0096	KC doanh thu tài chính T12	911	20.513.253	
		Cộng phát sinh		20.513.253	20.513.253

*(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)*

**Biểu 2.4.4: Sổ Cái TK 515**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản : 635 - Chi phí hoạt động tài chính  
Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

D- đầu kỳ: 0

Đơn vị tính: đồng

D- cuối kỳ: 0

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
1/12/2009	SPAC0001	Phí chuyển tiền	1121	10.000	
1/12/2009	SPAC0001	Phí chuyển tiền	1121	60.700	
1/12/2009	SPAC0001	Trả lãi vay TK 64753249	1121	3.550.223	
1/12/2009	SPACT11	Trả lãi vay TK 66075779	1121	4.415.092	
1/12/2009	SPAC0001	Trả lãi vay TK 61656999	1121	7.698.965	
2/12/2009	SPAC0002	Phí chuyển tiền	1121	103.004	
2/12/2009	SPAC0002	Trả lãi vay TK 66309569	1121	14.038.776	
2/12/2009	SPAC0002	Trả lãi vay TK 68019489	1121	25.708.262	
5/12/2009	SPAC0005	Trả lãi vay TK 66388869	1121	4.098.894	
7/12/2009	SPAC0006	Trả lãi vay TK 65009019	1121	10.969.918	
10/12/2009	SPAC0009	Phí chuyển tiền	1121	10.000	
10/12/2009	SPAC0009	Phí chuyển tiền	1121	10.000	
18/12/2009	SPAC0016	Phí chuyển tiền	1121	1.363.64	
18/12/2009	SPAC0016	Phí chuyển tiền	1121	290.909	
19/12/2009	SPAC0017	Trả lãi vay TK 67211689	1121	9.367.986	
19/12/2009	SPAC0017	Trả lãi vay TK 67212129	1121	6.423.541	
24/12/2009	SPAC0021	Trả lãi vay TK 69246179	1121	5.360.612	
25/12/2009	SPAC0022	Phí chuyển tiền	1121	10.000	
30/12/2009	SPAC0025	Trả lãi vay TK 69689309	1121	31.213.279	
31/12/2009	SPAC0161	Phí chuyển tiền	1121	454.545	
31/12/2009	SPAC0161	Trả lãi vay TK 55502129	1121	378.544	
31/12/2009	PHT0097	K/C chi phí hoạt động tài chính	911		1.412.027.272
		Cộng phát sinh		1.412.027.272	1.412.027.272

(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

**Biểu 2.4.5: Sổ Cái TK 635**

## **2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH TM VIC.**

### **2.2.5.1. Chứng từ sử dụng:**

Phiếu thu

Phiếu chi

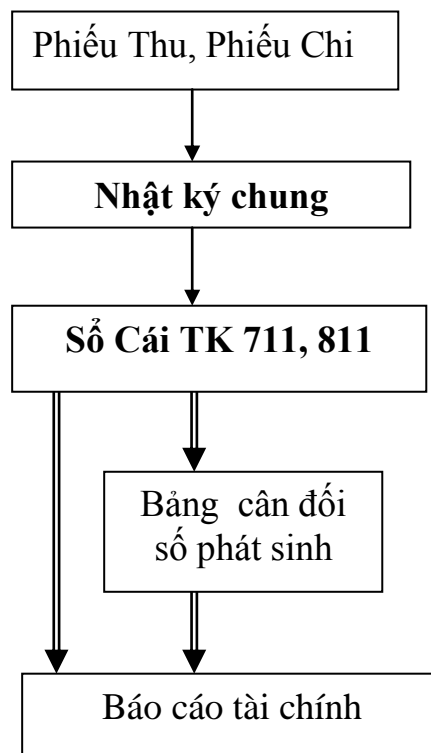
Phiếu hạch toán

### **2.2.5.2. Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 711- “**Thu nhập khác**”

Tài khoản 811- “**Chi phí khác**”

### **2.2.5.3. Quy trình hạch toán**



Ghi hàng ngày: ←

Ghi định kỳ: ←←

### **Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán Thu nhập khác, Chi phí khác.**

Từ chứng từ gốc kế toán nhập số liệu vào phần mềm, phần mềm sẽ tự động in số liệu vào sổ sách liên quan: Nhật ký chung( Biểu 2.5.3), Sổ Cái TK 711 (Biểu 2.5.4), Sổ Cái TK 811 ( Biểu 2.5.5 )

Ví dụ 6: Ngày 11/12/2009 thu tiền từ công nhân làm lại thẻ số tiền 30 000.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC  
Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP  
Mã số thuế: 0200358184  
Tel: (031) 742976

Mẫu số: C 22 - H

Số: PT 0045

Nợ: 1111

Có: 711

## PHIẾU THU

Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Họ tên người nộp    Phạm Thùy Chi  
Địa chỉ (tên)        Trang trại thực nghiệm Cty  
Lý do nộp            Làm lại thẻ  
  
Số tiền                30 000 VND  
Bằng chữ            Ba mươi ngàn đồng chẵn.

Kèm theo ..... Chứng từ gốc  
GGT (CMT) số :                      Ngày :

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền ( Ba mươi ngàn đồng chẵn )  
(bằng chữ)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

Ngày 11 Tháng 12 Năm 2009  
**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

### **Biểu 2.5.1. Phiếu Thu**

Ví dụ 7: Ngày 20/12/2009 nộp phạt tiền nộp chậm BHXH số tiền 165 800.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC  
Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP  
Mã số thuế: 0200358184  
Tel: (031) 742976

Mẫu số: C 22 - H

Số: PC0159

Nợ: 811

Có: 1111

## PHIẾU CHI

Ngày 20/12/2009

Họ tên người nhận    Phạm Quang Huy  
Địa chỉ (tên)            Phòng kế toán  
Lý do chi                Nộp tiền phạt nộp chậm BHXH, BHYT, BHTN

Số tiền                    **165 800 VND**  
Bằng chữ                Một trăm sáu năm ngàn tám trăm đồng chẵn

Kèm theo ..... Chứng từ gốc  
GGT (CMT) số :                    Ngày :

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền **Một trăm sáu năm ngàn tám trăm đồng chẵn**  
(bằng chữ)

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

### ***Biểu 2.5.2: Phiếu Chi***





Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
..	...	...	...	...	...
11/12/2009	PT0045	Thu tiền làm lại thẻ CNV	1111	30.000	
			711		30.000
15/12/2009	BC0068	Thu tiền thanh lý xe oto 16H-6684	1121	440.000.000	
			711		400.000.000
			3331		40.000.000
15/12/2009	PKT0075	Xóa sổ TSCĐ	214	281.250.000	
			811	468.750.000	
			211		750.000.000
20/12/2009	PC0159	Tiền phạt nộp chậm BHXH, BHYT	1121	165.800	
			811		165.800
22/12/2009	PT0065	Thu tiền bán phế liệu	1111	4.650.000	
			711		4.650.000
..	...	...	...	...	...
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>7.323.364.688.589</b>	<b>7.323.364.688.589</b>

*(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)*

**Biểu 2.5.3: Sổ Nhật Ký chung**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản : 711 - Thu nhập khác  
Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

Đơn vị tính: đồng

D- đầu kỳ: 0

D- cuối kỳ: 0

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
11/12/2009	PT0045	Thu tiền làm lại thẻ CNV	1111		30.000
15/12/2009	BC0068	Thu tiền thanh lý xe oto 16H-6684	1121		400.000.000
22/12/2009	PT0065	Thu tiền bán phế liệu	1111		4.650.000
...	....	....	....	...	...
31/12/2009	PHT0096	K/c Thu nhập khác sang TK 911	911	768.292.006	
		Cộng phát sinh		768.292.006	768.292.006

(Nguồn số liệu phòng Kế toán Công ty TNHH TM VIC)  
**Biểu 2.5.3: Sổ Cái TK 711**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản : 811 - Chi phí khác  
Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

Đơn vị tính: đồng

D- đầu kỳ: 0

D- cuối kỳ: 0

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
15/12/2009	PHT0075	Xóa sổ TSCĐ	211	468.750.000	
..	.	..	...	...	...
20/12/2009	PC0159	Nộp tiền phạt nộp chậm BHXH, BHYT	1121	165.800	
..	...	...	...	...	...
31/12/2009	PHT0097	K/c Chi phí khác sang Tk 911	911		389.686.030
		Cộng phát sinh		389.686.030	389.686.030

(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH TM VIC)  
**Biểu 2.5.5: Sổ Cái TK 811**

### **2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM VIC.**

Việc xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHTM VIC được thực hiện vào cuối mỗi tháng.

#### **2.2.6.1. Chứng từ sử dụng:**

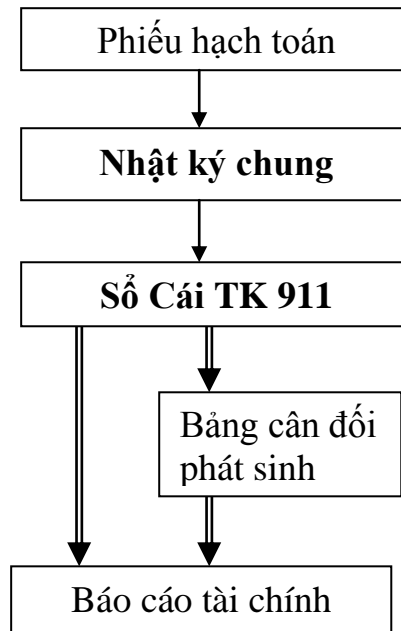
Phiếu hạch toán.

#### **2.2.6.2. Tài khoản sử dụng:**

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

TK 511, 515, 632, 641, 642, 635, 711, 811, 421

#### **2.2.6.3. Quy trình hạch toán:**



Ghi chú:

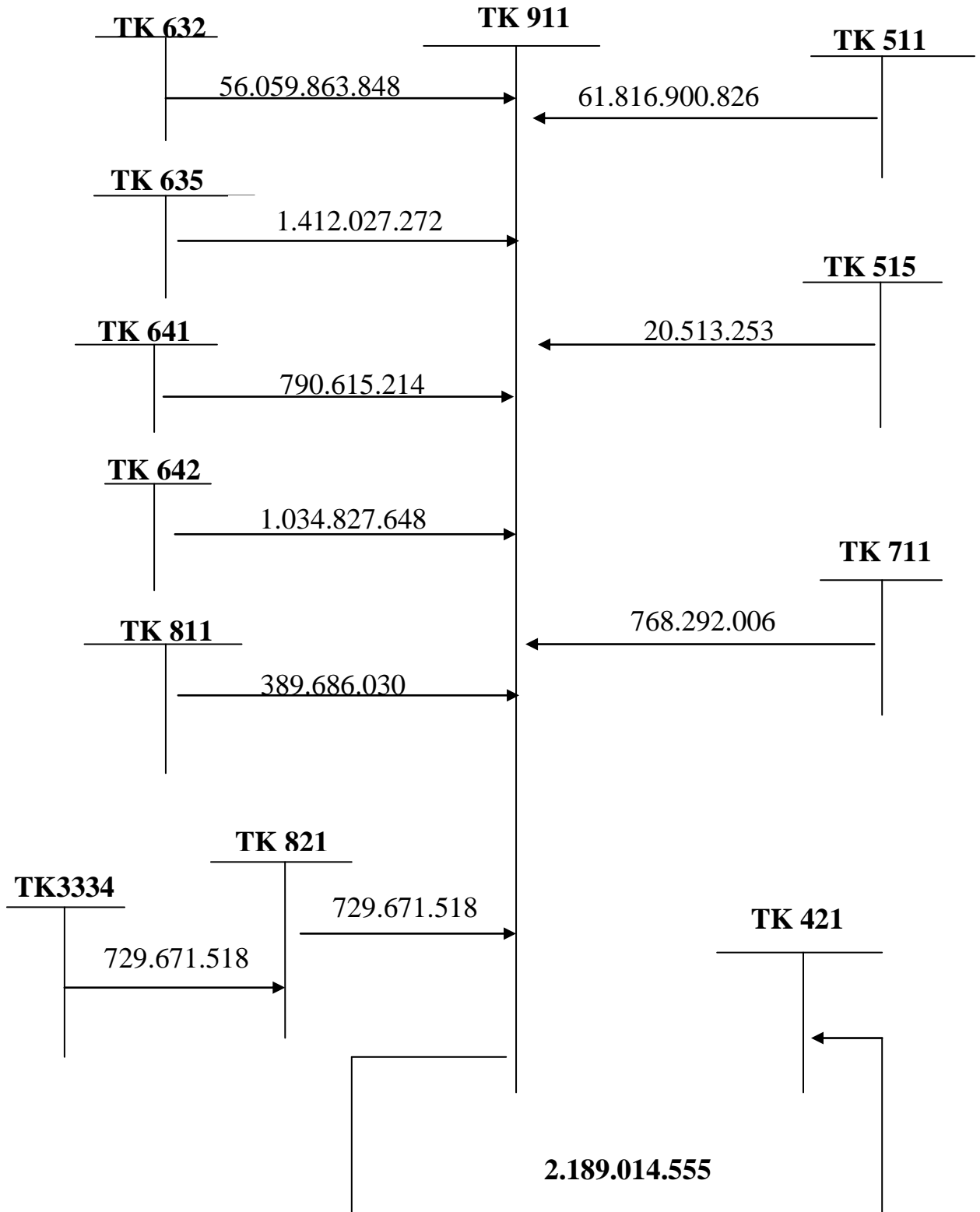
Ghi hàng ngày: ←

Ghi định kỳ: ←←

Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác kết chuyển trên hệ thống phần mềm EFFECT.

Kế toán chọn phần kết chuyển các tài khoản dư không để thực hiện bút toán kết chuyển hệ thống phần mềm kế toán EFFECT sẽ tự động kết chuyển các tài khoản, các tài khoản chi phí được kết chuyển sang bên Có của TK 911; các tài khoản doanh thu được kết chuyển sang bên Nợ của TK 911.

## SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH THÁNG 12 NĂM 2009 TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC



**PHIẾU HẠCH TOÁN**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**Số 0096**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển Doanh thu bán hàng tháng 12	511	911	61.816.900.826
2	Kết chuyển Doanh thu tài chính tháng 12	515	911	20.513.253
3	Kết chuyển Thu nhập khác tháng 12	711	911	768.292.006
	<b>Cộng</b>			<b>62.605.706.085</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Ng- ời lập**

**PHIẾU HẠCH TOÁN**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**Số 0097**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển Giá vốn hàng bán tháng 12	911	632	56.059.863.848
2	Kết chuyển Chi phí Bán hàng tháng 12	911	641	790.615.214
3	Kết chuyển Chi phí QLDN tháng 12	911	642	1.034.827.648
4	Kết chuyển Chi phí Tài chính tháng 12	911	635	1.412.027.272
5	Kết chuyển Chi phí khác tháng 12	911	811	389.686.030
	<b>Cộng</b>			<b>59.687.020.012</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Ng- ời lập**

**PHIẾU HẠCH TOÁN**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**Số 0098**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Xác định Thuế TNDN phải nộp Tháng 12	821	3334	729.671.518
	<b>Cộng</b>			729.671.518

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ng- ời lập

**PHIẾU HẠCH TOÁN**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**Số 0099**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển chi phí thuế TNDN tháng 12	911	821	729.671.518
	<b>Cộng</b>			729.671.518

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ng- ời lập

**PHIẾU HẠCH TOÁN**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**Số 0100**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển lãi tháng 12	911	4212	2.189.014.555
	<b>Cộng</b>			2.189.014.555

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ng- ời lập



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	PS Nợ	PS Có
31/12/2009	PHT0096	K/c Doanh thu bán hàng T12	511	61.816.900.826	
			911		61.816.900.826
31/12/2009	PHT0096	K/c Doanh thu tài chính T12	515	20.513.253	
			911		20.513.253
31/12/2009	PHT0096	K/c Thu nhập khác tháng 12	711	768.292.006	
			911		768.292.006
31/12/2009	PHT0097	K/c Giá vốn hàng bán T12	911	56.059.863.848	
			632		56.059.863.848
31/12/2009	PHT0097	K/c Chi phí bán hàng T 12	911	790.615.214	
			641		790.615.214
31/12/2009	PHT0097	K/c Chi phí QLDN T12	911	1.034.827.648	
			642		1.034.827.648
31/12/2009	PHT0097	K/c Chi phí tài chính T 12	911	1.412.027.272	
			635		1.412.027.272
31/12/2009	PHT0097	K/c Chi phí khác tháng 12	911	389.686.030	
			811		389.686.030
31/12/2009	PHT0098	X/đ thuế TNDN phải nộp T12	821	729.671.518	
			3334		729.671.518
31/12/2009	PHT0099	K/c chi phí Thuế TNDN T12	911	729.671.518	
			821		729.671.518
31/12/2009	PHT0100	K/c Lãi tháng 12	911	2.189.014.555	
			421		2.189.014.555
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>7.323.364.688.589</b>	<b>7.323.364.688.589</b>

*(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)*

**Biểu 2.6.2: Sổ Nhật Ký chung**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản : 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

D- đầu kỳ: 0

D- cuối kỳ: 0

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK đ-	PS Nợ	PS Có
31/12/2009	PHT0096	K/c Doanh thu bán hàng T12	511		61.816.900.826
31/12/2009	PHT0096	K/c Doanh thu tài chính T12	515		20.513.253
31/12/2009	PHT0096	K/c Thu nhập khác T12	711		768.292.006
31/12/2009	PHT0097	K/c Giá vốn hàng bán T 12	632	56.059.863.848	
31/12/2009	PHT0097	K/c Chi phí bán hàng T12	641	790.615.214	
31/12/2009	PHT0097	K/c Chi phí QLDN T12	642	1.034.827.648	
31/12/2009	PHT0097	K/c Chi phí tài chính T12	635	1.412.027.272	
31/12/2009	PHT0097	K/c Chi phí khác T12	811	389.686.030	
31/12/2009	PHT0099	K/c chi phí Thuế TNDN T12	821	729.671.518	
31/12/2009	PHT0100	K/c Lãi tháng 12	4212	2.189.014.555	
		Cộng phát sinh		62.605.706.085	62.605.706.085

*(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)*

**Biểu 2.6.3: Sổ Cái TK 911**





Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản : 821 - Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp  
Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

Đơn vị tính: đồng

D- đầu kỳ: 0

D- cuối kỳ: 0

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKđ-	PS Nợ	PS Có
31/12/2009	PHT0098	Xác định thuế TNDN phải nộp T12	3334	729.671.518	
31/12/2009	PHT0099	K/c Chi phí thuế TNDN T12	911		729.671.518
Cộng phát sinh				729.671.518	729.671.518

*(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)*  
**Biểu 2.6.4: Sổ Cái TK 821**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

## SỔ CÁI

Tài khoản : 421 - Lợi nhuận ch- a phân phối  
Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/ 2009

Đơn vị tính: đồng

D- Có đầu kỳ: 24.136.478.702

D- Có cuối kỳ: 26.325.493.257

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKđ-	PS Nợ	PS Có
31/12/2009	PHT0100	K/c Lãi tháng 12	911		2.189.014.555
Cộng phát sinh					2.189.014.555

*(Nguồn số liệu tại Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)*  
**Biểu 2.6.5: Sổ Cái TK 421**

## **CHƯƠNG 3**

# **MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC.**

### **3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH VIC.**

Là một doanh nghiệp mới thành lập được đầu tư dây chuyền công nghệ hiện đại, công suất lớn, cho ra những sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, đó chính là lợi thế rất lớn giúp Công ty có khả năng cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường.

Trong xu thế phát triển của mình, Công ty luôn tạo được niềm tin cho người tiêu dùng, luôn cố gắng mở rộng phạm vi hoạt động sản xuất, vì thế Công ty luôn đặt mình trong môi trường cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cùng loại và đưa ra mục tiêu tiết kiệm tối đa chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nhưng không làm giảm chất lượng sản phẩm, đem lại lợi ích cho người tiêu dùng.

#### **3.1.1. Ưu điểm.**

Là một doanh nghiệp luôn đạt được hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập cán bộ công nhân viên ổn định. Đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò vị thế của Công ty trên toàn quốc.

##### **❖ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:**

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng cho cấp lãnh đạo.

##### **❖ Về tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.**

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trong phòng tài chính kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ, có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông

tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của Công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Công ty TNHH Thương mại VIC đã áp dụng tin học vào công tác kế toán với việc áp dụng phần mềm EFECT, một phần mềm kế toán giúp giảm thiểu công việc ghi chép thủ công hàng ngày đồng thời làm tăng năng suất của công tác kế toán, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp trong quản lý. Thông tin cung cấp nhanh nhạy tạo sự thông suốt về công tác tài chính kế toán giúp cho người quản lý đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra làm kế toán bằng phần mềm tạo khả năng cho nhiều người sử dụng đồng thời trên mạng trong cùng một hệ thống kế toán mà vẫn đảm bảo tính bảo mật cao trong công việc của mỗi người.

#### ❖ Về tổ chức công tác kế toán:

Nhìn chung Công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như chuẩn mực ban hành, cụ thể:

**Chứng từ kế toán:** Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu của kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy, bảo đảm tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

**Về sổ sách kế toán:** Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Với kết cấu đơn giản, dễ ghi chép hình thức này rất phù hợp với công tác kế toán tại doanh nghiệp, đảm bảo hệ thống kế toán của doanh nghiệp thực

hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

**Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi bổ sung.

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công ty đều được phản ánh đầy đủ trong hệ thống chứng từ kế toán. Công ty áp dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc do Bộ Tài Chính qui định, ngoài ra Công ty còn sử dụng một số chứng từ hướng dẫn mà ở đó các chứng từ được hoàn chỉnh theo đặc thù của công ty.

Các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán chi phí sản xuất như: Bảng tính và phân bổ khấu hao, Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ, Hoá đơn, chứng từ chi tiền mặt.... được thiết lập đầy đủ, qui trình luân chuyển chặt chẽ, thuận tiện cho công tác tính giá thành sản phẩm. Do sử dụng kế toán máy nên việc xử lý thông tin trên các chứng từ khá đơn giản, việc tính giá thành có thể được thực hiện nhanh chóng và chính xác. Thông qua đó nâng cao độ tin cậy của báo cáo tài chính và giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời.

#### **❖ Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty:**

Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng công ty nên công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty hiện nay rất nhanh chóng và chính xác. Đồng thời cùng với sự hỗ trợ đắc lực bởi hệ thống phần mềm kế toán phần lớn doanh thu và chi phí đều được hạch toán và theo dõi chi tiết, chặt chẽ theo từng nghiệp vụ giúp cho việc đánh giá hiệu quả của từng hợp đồng kinh tế được dễ dàng.

Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, đáp ứng yêu cầu

của ban giám đốc trong công việc cung cấp thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty một cách kịp thời và chính xác.

### **3.1.2. Hạn chế.**

#### **❖ Về sổ sách sử dụng:**

Việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng Công ty vẫn còn rất hạn chế trong việc mở Sổ chi tiết các tài khoản, Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Điều này đã gây trở ngại cho việc theo dõi tại Công ty. Cụ thể đó là:

#### **✓ Đối với Sổ chi tiết:**

- Sổ chi tiết bán hàng: Việc mở Sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp cho kế toán theo dõi chi tiết doanh thu của từng loại hàng hóa và tính toán được lãi gộp của từng mặt hàng hóa. Công ty không mở Sổ chi tiết bán hàng vì vậy kế toán chỉ có thông tin về tổng doanh thu mà không có thông tin về lãi gộp.

- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán: Việc mở sổ này nhằm giúp cho kế toán theo dõi giá vốn từng mặt hàng bán ra vì Công ty có rất nhiều mặt hàng hóa khác nhau. Khi Công ty không mở Sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán sẽ khó có thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng để từ đó đưa ra được những quyết định cho việc sản xuất kinh doanh.

- Công ty chưa mở sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp do đó không có thông tin về các yếu tố chi phí trong các khoản mục chi phí này.

#### **✓ Đối với Bảng tổng hợp chi tiết:**

- Bảng tổng hợp phải thu khách hàng: Việc lập bảng này giúp cho kế toán đối chiếu được số liệu giữa Sổ Cái tài khoản 131 và các sổ chi tiết thanh toán với người mua. Công ty không lập Bảng tổng hợp phải thu dẫn đến không kiểm tra được số liệu trên sổ tổng hợp và sổ chi tiết.

- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Việc thiết lập Bảng này giúp cho kế toán đối chiếu được số liệu giữa Sổ Cái các tài khoản hàng tồn kho với các Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

❖ Về việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi: việc trích lập này giúp cho tình hình tài chính của Doanh nghiệp không bị ảnh hưởng nhiều khi có

các khoản nợ khó đòi hoặc không đòi được do Doanh nghiệp đã chủ động tính trước vào chi phí của Doanh nghiệp một khoản chi phí.

❖ Về việc tổ chức kế toán quản trị trong Công ty: Trong thời gian thực tập tại Công ty em nhận thấy công tác kế toán quản trị chưa được chú trọng. Công tác kế toán ở Công ty mới chỉ thuần túy là kế toán tài chính. Các thông tin do phòng kế toán cung cấp mới chỉ phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài Doanh nghiệp.

## **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC.**

### **3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.**

Trong cơ chế thị trường hiện nay, với sự khuyến khích và mở cửa của Nhà nước đã xuất hiện không ít những doanh nghiệp tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận nhất và tiết kiệm chi phí đến mức có thể. Để làm được điều đó, đòi hỏi phải tổ chức khâu quản lý thật chặt chẽ và hiệu quả.

Mặt khác, kế toán tài chính giống như “ quả tim” của doanh nghiệp, nó cho biết được “tình trạng sức khỏe” của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán yếu kém thì tình hình hoạt động kinh doanh của công ty cũng không hiệu quả. Về lâu dài thì điều này là không tốt cho doanh nghiệp. Bởi vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là hết sức rất cần thiết.

Tổ chức được bộ máy kế toán hiệu quả sẽ giúp cho nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ một cách kịp thời, chính xác. Từ đó giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển công ty và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững.

### **3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện.**

Để đạt được hiệu quả cao nhất trong sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cần phải xác định phương hướng mục tiêu trong đầu tư, biện pháp sử dụng các điều kiện có sẵn... Do vậy kế toán nên sử dụng hình thức phân tích các chỉ tiêu trên cơ sở các số liệu đã ghi chép để đáp ứng kịp thời các thông tin cần thiết cho việc ra quyết định tốt nhất.

Ngoài các biện pháp cụ thể để công tác kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ ngày càng hoàn thiện hơn cũng cần có sự phối hợp, giúp đỡ của các phòng ban cũng như các lãnh đạo Công ty. Lãnh đạo Công ty là người có nhiệm vụ quản lý chung toàn bộ tình hình kinh doanh và phải quy định toàn bộ chức năng của các bộ phận ở các phòng ban và phòng kế toán đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận để sự luân chuyển chứng từ và thủ tục chứng từ ban đầu hợp lý, khoa học.

Nếu như kế toán tiêu thụ sản phẩm hàng hoá dịch vụ nói riêng và bộ máy kế toán nói chung làm việc đúng chức năng, hiệu quả công việc cao thì xác định kết quả kinh doanh đúng, từ đó giúp cho người lãnh đạo đề ra hướng đúng cho Công ty và ngược lại nếu người quản lý, lãnh đạo làm tốt việc chỉ đạo sản xuất, tổ chức bộ máy gián tiếp, trực tiếp sẽ giúp cho công việc hạch toán được thuận lợi dễ dàng hơn.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng phải được chú trọng.

Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên mặt lý thuyết mà phải phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin kế toán phải xác thực, phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí một cách trung thực, khách quan, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Số liệu kế toán phải được phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Đây là việc làm

cần thiết đối với các cơ quan chức năng: đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; đối với ngân hàng – giúp cho việc tính toán các khoản lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi; đối với cơ quan lãnh đạo trong việc đưa ra các phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

### ***3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC.***

Dựa trên những hạn chế đã nêu ra ở trên và những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số giải pháp như sau:

#### ***❖ Giải pháp 1: Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Công ty TNHH Thương mại VIC***

Tại công ty TNHH Thương mại VIC kế toán chỉ mở Sổ Cái TK 511 để theo dõi doanh thu của tất cả các mặt hàng mà không mở riêng cho từng loại. Vì vậy, khi hạch toán doanh thu bán hàng kế toán cần hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng của từng loại mặt hàng bán ra nhằm giúp công ty nắm được chi tiết từng loại hàng hóa tiêu thụ như thế nào trong kỳ, lãi gộp của từng mặt hàng. Từ đó các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: Marketing, tìm kiếm thị trường, tìm kiếm đối tác nâng cao chất lượng sản phẩm. Vì vậy Công ty nên mở **Sổ chi tiết bán hàng( Biểu 3.2.1)**, theo mẫu quy định của Bộ tài chính.





Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số **S35-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu t-):.....

Năm:.....

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đ-	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày			Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521,531,532)
			Cộng phát sinh trong kỳ						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

**Biểu 3.2.1: Sổ chi tiết Bán hàng**

**Giả sử với ví dụ 1 ở trên cách ghi chép vào Sổ chi tiết bán hàng được thực hiện như sau:**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S35-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm(dịch vụ, hàng hóa): TÀ GS- Hỗn hợp SV7A  
Năm 2009

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK đ-	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
				Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521,531,532)
5/12/2009	HD0518	Bán hàng cho Lê Nguyễn Huệ	131	1.300	6.111,43	7.944.857		
6/12/2009	HD0520	Bán hàng cho Nhất Minh	131	2.500	6.111,43	15.278.575		
..	...	...	...	...	...	...	..	..
31/12/2009	PHT0065	K/c doanh thu bán hàng	911			1.358.815.346		
		Cộng phát sinh		222.340		1.358.815.346		
		Doanh thu thuần				1.358.815.346		
		Giá vốn hàng bán				1.229.754.349		
		Lãi gộp				129.060.977		

**Biểu 3.2.2: Sổ chi tiết Bán hàng**

Khi hạch toán Giá vốn hàng bán kế toán nên hạch toán chi tiết từng loại hàng hóa bán ra vì đây là mục tiêu so sánh giữa giá vốn hàng hóa bán ra so với giá bán của từng loại hàng hóa. Chỉ có hạch toán chi tiết giá vốn của từng hàng hóa bán ra thì Công ty mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo ra sức cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, Công ty nên lập **Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 3.2.3).**

*Giả sử với ví dụ 1 ở trên Sổ chi phí sản xuất kinh doanh được thực hiện theo (Biểu 3.2.4).*

Đối với Chi phí Quản lý Doanh nghiệp chưa chi tiết theo yếu tố chi phí. Vì chỉ có hạch toán chi tiết hai loại chi phí này Công ty mới có thể kiểm soát được chi tiêu để từ đó đưa ra được những biện pháp thích hợp nhằm mục đích cắt giảm chi phí nâng cao lợi nhuận. Vì vậy, Công ty nên lập **Sổ Chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 3.2.5).**

*Với ví dụ 3 ở trên Sổ chi phí sản xuất kinh doanh được lập theo (Biểu 3.2.6) như sau:*



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S36-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

Tài khoản: .....

Tên phân x- ởng:.....

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đ-	Tổng tiền	Ghi Nợ tài khoản							
	Số hiệu	Ngày tháng				Chia ra							
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Số d- đầu kỳ										
			Số phát sinh trong kỳ										
			<b>Cộng phát sinh</b>										
			Ghi Có TK										
			Số d- cuối kỳ										

**Biểu 3.2.3: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S36-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

Tài khoản: Giá vốn hàng bán

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ: TAGS- Hỗn hợp SV7A

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK dư	Tổng tiền	Ghi Nợ tài khoản						
	Số hiệu	Ngày tháng				Chia ra						
						632001	632002	632003	632004	632005	...	632047
			Số dư đầu kỳ									
			Số phát sinh trong kỳ									
5/12/2009	PX518	5/12/2009	Xuất bán Lê Nguyễn Huệ	155	7.439.228	7.439.228						
6/12/2009	PX520	6/12/2009	Xuất bán-Nhất Minh	155	14.305.457	14.305.457						
..	...	...	...	...	...	...						
			Cộng phát sinh		1.229.754.349							
			Ghi Có TK 632		1.229.754.349							
			Số dư cuối kỳ									

**Biểu 3.2.4: Sổ Giá vốn hàng bán**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S36-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

Tài khoản: 642- Chi phí Quản lý doanh nghiệp

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đư	Tổng tiền	Ghi Nợ tài khoản				
	Số hiệu	Ngày tháng				Chia ra				
						6421	6423	6424	6427	6428
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
2/12/2009	PC0003	2/12	Chi tiền mua vé máy bay đi công tác	1111	2.445.000					2.445.000
..	...	..	...	...	..	...	...	...	...	...
14/12/2009	UNC048	14/12	Chi tiền điện văn phòng tháng 11	1121	54.458.600				54.458.600	
...	...	...	...	...		...	...	...	...	..
31/12/2009	PHT0067	31/12	Trích lương tháng 12& 13 phòng KD	334	700.000.000	700.000.000				
31/12/2009	PHT0086	31/12	Trích KHTSCĐ tháng 12	2141	21.470.546			21.470.546		
			Cộng phát sinh		1.034.827.648	721.685.039		120.864.873	54.458.600	137.819.136
			Ghi Có TK 642		1.034.827.648					
			Số dư cuối kỳ							

**Biểu 3.2.5: Sổ chi phí Quản lý Doanh nghiệp**

❖ **Giải pháp 2: Hoàn thiện hệ thống Bảng tổng hợp chi tiết tại Công ty TNHH Thương mại VIC.**

Theo dõi các khoản phải thu là công việc quan trọng trong mỗi công ty vì thế Công ty nên mở Bảng tổng hợp phải thu để dễ dàng cho việc theo dõi đối chiếu số liệu với Sổ Cái và Sổ chi tiết phải thu khách hàng. Công ty nên mở **Bảng tổng hợp thanh toán với người mua( người bán) (Biểu 3.2.6)**

Công ty nên mở **Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa( Biểu 3.2.7)** để dễ dàng cho việc nắm bắt được thông tin về hàng tồn kho một cách nhanh chóng, chính xác.

*Giả sử như ví dụ 1 ở trên cách ghi chép vào Bảng tổng hợp vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa và Bảng tổng hợp thanh toán với người mua( người bán) được thực hiện như sau.*



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

### **BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA ( NGƯỜI BÁN)**

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Tháng 12 năm 2009

STT	Đối t- ợng	Số d- đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số d- cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	<b>Cộng</b>						

**Biểu 3.2.6: Bảng tổng hợp thanh toán người mua( người bán)**





Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S11-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG  
CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Tài khoản:

Tháng..... năm .....

STT	Tên, qui cách, vật liệu, dụng cụ, sản phẩm , hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
	<b>Cộng</b>				

*Biểu 3.2.7: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.*



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

### BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA ( NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: Phải thu khách hàng  
Tháng 12 năm 2009

STT	Đối t- ợng	Số d- đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số d- cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Lê Nguyễn Huệ	1.280.678.780		5.167.444.622	3.017.311.034	3.430.812.368	
2	Cty TNHH Nhất Minh	868.748.220		3.761.568.975	2.765.482.630	1.864.834.565	
...	..	...	...	...	...	...	..
	<b>Cộng</b>	6.890.762.135		30.515.846.630	20.478.680.369	16.927.928.396	

**Biểu 3.2.8: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng.**



Công ty TNHH TM VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S11-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản: Thành phẩm  
Tháng 12 năm 2009

STT	Tên, qui cách, vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	TĂGS- Hồn hợp SV7A	13.480.141	1.229.873.133	1.229.754.349	13.598.925
2	TĂGS- Hồn hợp SV7B	75.893.713	54.7495.906	614.582.698	8.806.921
3	TĂGS-Đậm đặc 151	6.584.694	108.148.801	90.048.806	24.684.689
..	...	...	...	...	...
	<b>Cộng</b>	<b>932.370.257</b>	<b>21.876.833.956</b>	<b>22.048.347.998</b>	<b>760.856.315</b>

*Biểu 3.2.9: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.*

❖ **Giải pháp 3: Về việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi**

Hiện nay, các khoản phải thu của khách hàng tại Công ty rất lớn điều này gây nhiều khó khăn cho công ty trong các trường hợp cần thiết cần vốn gấp. Vì vậy, công ty nên có những biện pháp để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh và sớm như: Công ty nên có chính sách chiết khấu thanh toán đối với những khách hàng thanh toán tiền ngay hoặc thanh toán sớm hơn thời hạn thỏa thuận ban đầu, áp dụng đối với cả khách hàng thanh toán một nửa hóa đơn GTGT ngày bằng tiền mặt hoặc tài khoản ngân hàng...

Đồng thời, để kiểm tra và theo dõi chặt chẽ hơn các khoản nợ của khách hàng, công ty nên phân loại công nợ cùng theo đó là lãi suất quá hạn tương ứng.

Các khoản nợ quá hạn và khó đòi phát sinh trong kỳ thì phải lập hồ sơ theo dõi riêng từng khoản nợ, từng đối tượng khách hàng, hàng tháng báo cáo lên ban giám đốc công ty và tiến hành trích lập khoản dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi.

Theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi phương pháp xác định mức dự phòng cần trích lập:

<b>Thời gian quá hạn thanh toán</b>	<b>Mức dự phòng cần trích lập</b>
6 tháng $\leq t < 1$ năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $< t < 2$ năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $< t < 3$ năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$> 3$ năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

**Ví dụ:**

Tình hình phải thu khó đòi của Công ty TNHH Thương mại VIC:

<b>Khách hàng</b>	<b>Số tiền nợ</b>	<b>Thời gian quá hạn (t)</b>	<b>Mức dự phòng cần lập (t x %)</b>
Công ty CPTM Thanh Bình	309.472.000	14 tháng	154.736.000
Công ty CPTM Đại An	176.551.300	6 tháng	52.965.390

**❖ Giải pháp 4: Áp dụng Kế toán quản trị.**

Kế toán quản trị là quy trình đa dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập báo biểu, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp. Giúp cho nhà quản lý xử lý các dữ kiện để đạt được các mục tiêu sau:

- Biết được từng thành phần chi phí, tính toán và tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành cho từng loại sản phẩm, từng loại công trình, dịch vụ.
- Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.
- Kiểm soát, thực hiện và giải trình các nguyên nhân chênh lệch giữa chi phí theo dự toán và thực tế.
- Cung cấp các thông tin cần thiết để có quyết định kinh doanh hợp lý.

Từ những phân tích trên ta có thể áp dụng kế toán quản trị về Doanh thu, chi phí và xác định Kết quả kinh doanh cụ thể vào Công ty TNHH Thương mại VIC như sau:

Lập dự toán ngân sách ngắn hạn: dự toán tiêu thụ, kế hoạch sản xuất, Chi phí BH&QLDN,... Đây là dự toán ngân sách được lập cho kỳ kế toán thường là một năm và được chia ra thành từng thời kỳ ngắn hơn như: từng quý, từng tháng phù hợp với kỳ kế toán của doanh nghiệp nhằm thuận tiện cho việc đánh giá kết quả thực hiện và kế hoạch. Đặc điểm của dự toán này là được lập hàng năm trước khi niên độ kế toán kết thúc, nó định hướng cho hoạt động của doanh nghiệp trong năm tiếp theo.

Sau khi các bộ phận trong Công ty trực tiếp chịu trách nhiệm lập dự toán ngân sách sản xuất, kinh doanh của bộ phận mình. Phòng kế toán trong Công ty có trách nhiệm tổng hợp các dự toán tiến hành kiểm tra và đánh giá thực hiện chi phí, phân tích mối quan hệ giữa Doanh thu – Chi phí – Lợi nhuận giúp các nhà quản trị lựa chọn các quyết định về giá bán sản phẩm, khối lượng sản phẩm sản xuất, kết cấu mặt hàng...nhằm đạt được mức lợi nhuận mong muốn. Phân tích thông tin thích hợp giúp cho việc ra quyết định lựa chọn các phương án sản xuất kinh doanh như quyết định chấp nhận hay từ chối đơn đặt hàng sản xuất,

quyết định nên tự sản xuất hay thuê ngoài gia công,...Áp dụng được vấn đề này sẽ cung cấp cho các nhà quản lý của Doanh nghiệp có những thông tin linh hoạt, có những giải pháp khác nhau trong việc đầu tư, phát huy những mặt tích cực đã đạt được và khắc phục những mặt còn tồn tại.

#### ***3.2.4. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty.***

Công ty cần có đội ngũ cán bộ nhân viên kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế, tài chính doanh nghiệp, mà còn am hiểu, thành thạo phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị và lập báo cáo tài chính. Hơn nữa, cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp phục vụ kịp thời cho chỉ đạo quá trình kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành.
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh cả doanh nghiệp, đặc biệt chú ý trang bị phương tiện kỹ thuật áp dụng
- Tiếp cận các chuẩn mực quốc tế áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

## KẾT LUẬN

Hoà cùng bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận như mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp cũng đòi hỏi phải được hoàn thiện hơn.

Nhận thức được vấn đề trên và được sự giúp đỡ, hướng dẫn tận tâm, nhiệt tình của Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh cùng các cán bộ nhân viên của Công ty TNHH Thương mại VIC đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình với đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC”***

Nội dung của đề tài khóa luận này rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp từ phía các thầy, các cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô giáo Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh người đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa, các cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại Công ty.

Em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2009

Sinh viên

Đặng Thị Thu Hương.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT – TS Nguyễn Văn công
2. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS Võ Văn Nhị
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp ( Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp ( Quyển 2 ) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
5. Hệ thống chuẩn mực kế toán việt nam.



## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1.....	2
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP. ....	2
1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	2
1.1.2. Các khái niệm cơ bản: .....	3
1.1.2.1. Doanh thu: .....	3
1.1.2.2. Chi phí: .....	6
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công doanh nghiệp.....	9
1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	10
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ. ....	10
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng: .....	10
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng: .....	10
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu nội bộ. ....	12
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	12
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng: .....	12
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng. ....	12
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu. ....	14
1.2.3. Kế toán Giá vốn hàng bán:.....	15
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng: .....	15

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng: .....	15
1.2.4. Kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí Quản lý doanh nghiệp. ....	18
1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng: .....	18
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng: .....	18
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán Chi phí Bán hàng& Chi phí QLDN.....	19
1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính& Chi phí tài chính. ....	20
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng: .....	20
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng: .....	20
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán: .....	20
1.2.6. Kế toán thu nhập khác& Chi phí khác. ....	22
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng: .....	22
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng: .....	22
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán: .....	22
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh. ....	24
1.2.7.1. Chứng từ sử dụng: .....	24
1.2.7.2. Tài khoản sử dụng: .....	24
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán: .....	24
CHƯƠNG 2.....	26
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC ....	26
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại VIC.....	26
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	26
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.....	27
2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty. ....	30
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	31
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán: .....	31
2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty.....	32
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản tại Công ty. ....	33
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty. ....	33
2.1.4.5. Trình tự ghi sổ kế toán. ....	33

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC. ....	36
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại VIC. ....	36
2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng bao gồm: .....	36
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng: .....	36
2.2.1.3. Quy trình hạch toán: .....	36
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương Mại VIC.....	44
2.2.1.1. Chứng từ kế toán Công ty sử dụng: .....	44
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng .....	44
2.2.1.3. Quy trình hạch toán: .....	44
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN tại Công ty TNHH Thương Mại VIC.....	50
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng: .....	50
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng .....	50
2.2.3. Quy trình hạch toán: .....	50
2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương mại VIC. ....	56
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng .....	56
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng: .....	56
2.2.4.3. Quy trình hạch toán: .....	56
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH TM VIC. ....	62
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng: .....	62
2.2.5.2. Tài khoản sử dụng: .....	62
2.2.5.3. Quy trình hạch toán .....	62
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM VIC. ....	67
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng: .....	67
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng: .....	67
2.2.6.3. Quy trình hạch toán: .....	67
CHƯƠNG 3.....	74

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC. ....	74
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH VIC. ....	74
3.1.1. Ưu điểm. ....	74
3.1.2. Hạn chế. ....	77
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC. ....	78
3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. ....	78
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện. ....	79
3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại VIC. ....	80
3.2.4. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty. ....	94
KẾT LUẬN .....	95
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	96